

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KINH TẾ ĐẦU TƯ

Ngành: KINH TẾ ĐẦU TƯ

Mã ngành: 7310104

Thái Nguyên, 2018

BẢN MÔ TẢ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số: 483/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 25 tháng 5 năm 2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)*

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Kinh tế Đầu tư

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành đào tạo: Kinh tế Đầu tư

Mã ngành: 7310104

Hình thức đào tạo: Chính quy

Chương trình đối sánh:

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

Thông tin kiểm định CTĐT: Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số: 117/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội các trường đại học cao đẳng Việt Nam.

Ngôn ngữ đào tạo: tiếng Việt

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh:

Các thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) hoặc sẽ tốt nghiệp THPT từ năm 2018, có nguyện vọng theo học tại trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên.

Trường hợp các thí sinh theo học hệ thống giáo dục quốc tế khác, Nhà trường có tư vấn phương án tuyển sinh đối với từng quốc gia riêng.

3. Thang điểm, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

Quy trình đào tạo: Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện tốt nghiệp:

Điều kiện chung: Theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện của chương trình đào tạo: ...

4. Mục tiêu đào tạo

4.1. Mục tiêu chương trình

4.1.1. Mục tiêu chung

Cử nhân tốt nghiệp chương trình đào tạo Kinh tế Đầu tư có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Kinh tế Đầu tư, có khả năng lập và quản lý dự án, thực hiện các hoạt động đầu thầu, huy động vốn đầu tư và các hoạt động chuyên môn khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế xã hội các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc.

4.1.2. Mục tiêu cụ thể

- MT1: Cung cấp cho cử nhân Kinh tế Đầu tư hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế và quản lý, các kiến thức về lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực đầu tư, năng lực tham gia phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách và hoạt động đầu tư trên phạm vi nền kinh tế cũng như của ngành và địa phương.

- MT2: Hình thành và phát triển các kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, dẫn dắt khởi nghiệp, tạo việc làm, quản lý và lãnh đạo trong lĩnh vực đầu tư nói riêng và kinh tế nói chung.

- MT3: Đào tạo cử nhân Kinh tế Đầu tư có đạo đức, phẩm chất chính trị, trách nhiệm, kỷ luật, thực hiện được công việc độc lập hoặc theo nhóm đồng thời luôn chủ động, sáng tạo trong công việc.

4.2. Chuẩn đầu ra

4.2.1. Về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kinh tế Đầu tư đạt được những yêu cầu về kiến thức được sắp xếp theo thứ tự như sau:

1.1. Vận dụng được các kiến thức về lý luận Chính trị Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để xác lập thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng trong hành vi và các ứng xử hàng ngày. Hình thành được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn;

1.2. Ứng dụng được các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong hoạt động kinh tế, kinh doanh và quản lý;

1.3. Hiểu và vận dụng các quy luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường để giải quyết các vấn đề liên quan trong công việc;

1.4. Có kiến thức nền tảng về Kinh tế học, bước đầu vận dụng các kiến thức chuyên sâu về Kinh tế đầu tư: Lập và đánh giá kế hoạch đầu tư, công tác huy động và sử dụng vốn đầu tư; quản lý hoạt động đầu thầu; kết quả và hiệu quả đầu tư...;

1.5. Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về kinh tế đầu tư để trợ giúp việc ra quyết định quản lý và hoạt động tác nghiệp trong phạm vi tổ chức, dự án có liên quan đến hoạt động đầu tư;

1.6. Có kiến thức bổ trợ và phát triển liên thông sang các ngành, khối ngành và chuyên ngành đào tạo khác trong trường Kinh tế và QTKD.

4.2.2. Về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kinh tế Đầu tư đạt được những yêu cầu về kỹ năng được sắp xếp theo thứ tự như sau:

2.1. Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề, xác định vấn đề ưu tiên trong lĩnh vực kinh tế.

2.2. Có kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin kinh tế và thuyết trình.

2.3. Có kỹ năng bước đầu soạn thảo các loại văn bản thông thường (biên bản, báo cáo, đơn đề nghị, thông báo, tờ trình, công văn, ...).

2.4. Có khả năng trợ giúp việc ra các quyết định quản lý trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, đặc biệt là đối với các quyết định liên quan đến hoạt động đầu tư.

2.5. Có khả năng thực hiện các công việc liên quan đến huy động và sử dụng vốn đầu tư, hoạt động đấu thầu, thẩm định dự án đầu tư... trong các tổ chức như ngân hàng, doanh nghiệp.

2.6. Ngoại ngữ: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành Kinh tế; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn; Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam do Đại học Thái Nguyên cấp.

2.7. Tin học: Sử dụng thành thạo máy tính, tin học cơ bản và tin học văn phòng, có chứng chỉ tin học quốc tế IC3, MOS hoặc tương đương. Biết cách vận hành một số máy văn phòng và thiết bị có liên quan.

2.8. Kỹ năng làm việc theo nhóm: hình thành nhóm, vận hành, lãnh đạo nhóm; tạo động lực làm việc và phát triển nhóm; Đồng thời, có khả năng tư duy và làm việc độc lập; có khả năng hòa nhập và thích ứng với môi trường nghề nghiệp.

2.9. Có kỹ năng giao tiếp tốt;

2.10. Kỹ năng đàm phán, thuyết phục và ra quyết định trên nền tảng luật pháp và có trách nhiệm với xã hội;

4.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Kinh tế Đầu tư đạt được những yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm được sắp xếp theo thứ tự như sau:

3.1. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo về kinh tế đầu tư; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3.2. Có khả năng tự định hướng, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

3.3. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến đánh giá tác động của hoạt động đầu tư đến đời sống kinh tế xã hội, đề xuất các giải pháp và chính sách liên quan đến lĩnh vực đầu tư và các nghiệp vụ thông thường.

3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CDR được rà soát và điều chỉnh được thể hiện trong phần Phụ lục B của bản mô tả chương trình đào tạo này.

- *Các ma trận thể hiện mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra (Phụ lục A)*

- *Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CDR được rà soát và điều chỉnh (Phụ lục B)*

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 126 tín chỉ

(Không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC
1		Phần Kiến thức giáo dục đại cương*	33 TC
2		Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83 TC
2.1		<i>Kiến thức cơ sở của khối ngành</i>	6 TC
2.2		<i>Kiến thức cơ sở của ngành</i>	24 TC
2.3		<i>Kiến thức cơ sở của ngành chính</i>	24 TC
2.4		<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	27 TC
2.5		<i>Thực tập nghề nghiệp/môn học</i>	02 TC
2.6		<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	10 TC
		Tổng toàn khóa	126

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức đại cương

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	MLP121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	
2	MLP132	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	MLP121
3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MLP121, MLP132
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	HCM121, MLP121, MLP132
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	ENG121
8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	ENG121, ENG122

9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	ENG121, ENG122, ENG123
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	ENG121, ENG122, ENG123, ENG124
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	ENG121, ENG122, ENG123, ENG124, ENG125
12	MAE131	Toán kinh tế	3	
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	MAE131
14	GIF131	Tin học đại cương	3	
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	PHE011
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	PHE011, PHE012
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	MIE231

7.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
BẮT BUỘC				
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3	
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	MIE231
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	PST131
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	
25	GEM231	Marketing căn bản	3	MIE231, MAE231
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	LAW121
27	ECO231	Kinh tế lượng	3	MAT 141, PST131, MIE231, MAE231
TỰ CHỌN				
28	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	MLP121
29	EAH231	Môi trường và con người	3	
30	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	PSE231
31	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	MIE231, MAE231, MAN231, ELA231
32	SME231	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	

7.2.3. Kiến thức cơ sở của ngành chính

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
		BẮT BUỘC		
33	MIE332	Kinh tế Vi mô 2	3	MIE231, MIE231, MAE231
34	MAE332	Kinh tế Vĩ mô 2	3	MAE231, MIE231
35	ENC331	Kinh tế Môi trường	3	MIE231
36	ILA331	Luật Đầu tư	3	LAW121
37	IEC331	Kinh tế Đầu tư 1	3	MIE231, MAE231
38	DEC331	Kinh tế Phát triển 1	3	
		TỰ CHỌN		
39	PEC331	Kinh tế Công cộng	3	MIE231
40	ERP331	Kinh tế và Chính sách phát triển vùng	3	MIE231, MAE231, MAN231, ELA231
41	ISE331	Kinh tế Bảo hiểm	3	MIE231
42	BUA331	Kế toán Doanh nghiệp	3	ACT231
43	ECS331	Thống kê Kinh tế	3	MIE231, MAE231, PSE231, ECO231

7.2.4. Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
		BẮT BUỘC		
44	INI331	Đầu tư Quốc tế	3	
45	PPA331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	MIE331, MAE331
46	IEC332	Kinh tế Đầu tư 2	3	IEC331
47	CAM331	Thị trường vốn đầu tư	3	MIE331, MAE331, MIE332, MAE332
48	PRM331	Quản lý dự án đầu tư	3	PPA331
49	BID331	Đấu thầu trong đầu tư	3	PPA331
50	IPA331	Thẩm định dự án đầu tư	3	PPA331
		TỰ CHỌN		
51	BCA331	Phân tích lợi ích - chi phí	3	ENC331, PPA331
52	SIC331	Thống kê đầu tư XDCB	3	PSE231, IEC331
53	DPA331	Phân tích chính sách phát triển	3	
54	ERF331	Nghiên cứu và dự báo kinh tế	3	PST131, ECO231
55	SEF331	Dự báo phát triển KTXH	3	DEC331, ECO231
56	SDP331	Kế hoạch hóa phát triển KT-XH	3	MIE231, MAE231, MIE332, ECO231

7.2.5. Thực tập môn học

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước,
----	-------	--------------	-------	--------------

				HP tiên quyết
II.5	COP421	THỰC TẬP MÔN HỌC	2	IEC331, IEC332, IEC332

7.2.6. Tốt nghiệp

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
III	GRI441	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	4	
IV	THW964	KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	6	
	Học phần tự chọn thay thế khóa luận (*)			
57	IRM331	Quản lý rủi ro trong đầu tư	3	PPA331
58	PUI331	Đầu tư công	3	IEC331, DEC331
59	FII331	Đầu tư tài chính	3	

8. Kế hoạch đào tạo (Phụ lục C)

9. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

9.1. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN (HỌC PHẦN 1), MÃ SỐ: MPL 121

Số tín chỉ: 02 Tổng số tiết quy chuẩn: 36 tiết

Lý thuyết: 24 tiết Thảo luận (thực hành): 12 tiết Tự học: 72 tiết

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Học phần 1) là hệ thống tri thức chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó, biểu hiện bằng những nguyên lý, quy luật, phạm trù cơ bản, chung nhất trong thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy. Qua học tập, nghiên cứu học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (học phần 1), trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật giúp họ tự giác trong quá trình nhận thức và hành động, trau dồi phẩm chất chính trị, tinh thần và năng lực tư duy sáng tạo của mình.

Học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (học phần 1) cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức như:

- Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- Phép biện chứng duy vật
- Chủ nghĩa duy vật lịch sử

9.2. NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN – HP II

Mã học phần: MPL131

Số tín chỉ: 02 Tổng số tín chỉ quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức đại cương)*

Các học phần tiên quyết: *Những Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin HP I*

Học phần học trước: *Những Nguyên lý cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin HP I*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Chủ nghĩa Mác – Lênin được cấu thành bởi ba bộ phận lý luận cơ bản có mối quan hệ biện chứng thống nhất với nhau: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trên cơ sở thể giới quan và phương pháp luận Triết học đã được nghiên cứu ở Học phần I, đến Học phần II, người học sẽ được tiếp cận với Kinh tế chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Căn cứ vào mục tiêu học phần, học phần II được cấu trúc thành 2 phần với 6 chương nối tiếp học phần I.

Phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Phần thứ ba gồm 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

9.3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - Mã số: HCM 121

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 36 tiết

Lý thuyết: 24 tiết

Thảo luận: 12 tiết

Loại học phần: *Bắt buộc*

Các học phần tiên quyết: *Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Học phần I, học phần II).*

Học phần học trước: *Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Học phần I, học phần II).*

Học phần song hành: *Xã hội học đại cương*

Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung của môn học bao gồm 8 chương, trình bày những vấn đề cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của môn học.

Môn học được thiết kế dành cho đối tượng là sinh viên năm thứ 2 học kỳ I trong chương trình đào tạo cử nhân. Cụ thể:

+ Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa việc học tập môn Tư Tưởng Hồ Chí Minh.

+ Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới.

9.4. ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, MÃ SỐ: VCP 131

- Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54
- Lý thuyết: 36 Thảo luận: 18 Tự học: 108
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: học sau 2 môn học “Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin” *Học phần I và Học phần II.*
- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh, Xã hội học đại cương
- Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là 1 trong 3 môn học thuộc khoa học Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Môn học có quan hệ mật thiết với các môn: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng trên cơ sở vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đất nước Việt Nam trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Vì vậy, đường lối của Đảng vừa có tính khoa học, vừa có tính cách mạng sâu sắc.

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương:

Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng

Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)

Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975)

Chương IV: Đường lối công nghiệp hóa

Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị

Chương VII: Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội

Chương VIII: Đường lối đối ngoại

9.5. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG, MÃ SỐ: LAW121

- Số tín chỉ: 02 Tổng số tiết quy chuẩn: 36
- Lý thuyết: 24 Thảo luận (thực hành): 12 Tự học: 72
- Loại học phần : Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không có
- Học phần học trước: Không có
- Các học phần song hành: Không có

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học Pháp luật đại cương là môn thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Môn học được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; Một số ngành luật cơ bản trong Hệ thống pháp luật của Việt Nam. Môn học được thiết kế dành cho đối tượng là các sinh viên khối trường kinh tế và những người có quan tâm.

9.6. TIẾNG ANH HỌC PHẦN 1, MÃ SỐ: ENG131

Số tín chỉ: 02	Tổng số tiết quy chuẩn: 36	
Lý thuyết: 24	Thảo luận (thực hành): 12	Tự học: 72
Loại học phần:	<i>Bắt buộc</i>	
Các học phần tiên quyết:	<i>Không</i>	
Học phần học trước:	<i>Không</i>	
Học phần song hành:	<i>Không</i>	

Tóm tắt nội dung học phần

- Tiếng Anh học phần 1 là một học phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường và là một trong 3 học phần của giai đoạn I theo định hướng năng lực. Nội dung khoá học được thiết kế theo 4 chủ điểm thuộc các lĩnh vực từ con người, nơi chốn, và các hoạt động thường ngày.

- Mỗi bài (Unit) đều được thiết kế bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế và phát triển tư duy tích cực. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển ngôn ngữ phong phú bằng các ngữ liệu từ National Geographic. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

9.7. TIẾNG ANH HỌC PHẦN 2, MÃ SỐ: ENG122

Số tín chỉ: 02	Tổng số tiết quy chuẩn: 36	
Lý thuyết: 24	Thảo luận (thực hành): 12	Tự học: 72
Loại học phần:	<i>Bắt buộc</i>	
Các học phần tiên quyết:	<i>Không</i>	
Học phần học trước:	<i>Tiếng Anh học phần 1</i>	
Học phần song hành:	<i>Không</i>	

Tóm tắt nội dung học phần

- Tiếng Anh học phần 2 là một học phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường, là bước tiếp theo trên lộ trình chuẩn đầu ra về ngoại ngữ giai đoạn I theo chương trình Đề án ngoại

ngữ của nhà trường. Nội dung học phần bao gồm 4 chủ điểm bao gồm đồ ăn thức uống, các chuyên đi, tiền tệ và ngoại hình con người.

- Mỗi bài được thiết kế đảm bảo về mặt kiến thức bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế cuộc sống cũng như nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Không những thế, nội dung kiến thức được sắp xếp một cách khoa học đảm bảo về mặt phương pháp dạy học, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

9.8. TIẾNG ANH HỌC PHẦN 3, MÃ SỐ: ENG 212

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 36

Lý thuyết: 24

Thảo luận (thực hành): 12

Tự học: 72

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức cơ bản)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Tiếng Anh học phần 2

Học phần song hành: *Không*

tóm tắt nội dung môn học

- Môn học tiếng Anh học phần 3 là môn học tiếp nối môn học tiếng Anh học phần 1 và tiếng Anh học phần 2 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên.

- Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ở cấp độ sơ cấp về các lĩnh vực như từ vựng, ngữ pháp, đời sống thực, cách phát âm, kỹ năng tư duy phản biện cũng như phát triển tổng hòa 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm: Nghe, nói, đọc, viết; từ đó tạo nền tảng giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra và sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học tập, cuộc sống và công việc trong tương lai.

- Nội dung môn học gồm 4 bài học cuối cùng (Bài 9, 10, 11 và 12) trong giáo trình LIFE phiên bản dùng cho Việt Nam ở cấp độ A1-A2 phân theo 4 chủ điểm chính là: Điện ảnh và nghệ thuật, Khoa học, Du lịch và Trái đất. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển ngôn ngữ phong phú bằng các ngữ liệu từ National Geographic. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, hệ thống bài tập bổ trợ trực tuyến giúp cho sinh viên có thể ôn luyện, bổ sung kiến thức bằng việc tự học.

9.9. TIẾNG ANH HỌC PHẦN 4, MÃ SỐ: ENG124

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 36

Lý thuyết: 24

Thảo luận (thực hành): 12

Tự học: 72

Loại học phần:

Bắt buộc

Các học phần tiên quyết:

Không

Học phần học trước:

Tiếng Anh học phần 3

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần

- Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp thương mại ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng.

- Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như Thói quen sinh hoạt, Cuộc sống hằng ngày, Giải trí, Kì nghỉ. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

9.10. TIẾNG ANH HỌC PHẦN 5, MÃ SỐ: ENG125

Số tín chỉ: 02 Tổng số tiết quy chuẩn: 36

Lý thuyết: 24 Thảo luận (thực hành): 12 Tự học: 72

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức cơ bản)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Tiếng Anh Học phần 4*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

- Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ tiền trung cấp (Trình độ cận B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng.

- Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Cảm xúc, Giải trí và Thời trang, Du lịch và Trải nghiệm...* Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

9.11. TIẾNG ANH HỌC PHẦN 6, MÃ SỐ: ENG126

Số tín chỉ: 02 Tổng số tiết quy chuẩn: 36

Lý thuyết: 24 Thảo luận (thực hành): 12 Tự học: 72

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức cơ bản)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Tiếng Anh Học phần 5*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

- Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ trung cấp (Trình độ B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng.

- Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Sức khỏe, Thể thao, Ẩm thực, Môi trường...* Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

9.12. TOÁN KINH TẾ

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36 Thảo luận: 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc*

Các học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước:

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần được chia làm bốn chương chính: Chương 1, người học sẽ được trang bị kiến thức cơ bản về ma trận, các phép toán về ma trận, định thức, tính chất và cách tính định thức. Sinh viên sẽ được giới thiệu về khái niệm, tính chất và cách tìm ma trận nghịch đảo. Tiếp theo, sinh viên sẽ được học về hạng của ma trận, cách tìm hạng của ma trận và giải được hệ phương trình tuyến tính ở dạng tổng quát. Trên cơ sở kiến thức cơ bản đó, giải quyết một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. Ở chương 2, chương 3, Sinh viên được tìm hiểu những kiến thức cơ bản nhất về hàm một biến và nhiều biến cụ thể: về tính liên tục, về các đạo hàm riêng, qua đó sinh viên sẽ nghiên cứu các ứng dụng của đạo hàm trong kinh tế. Sang chương 4, giới thiệu cho sinh viên về cực trị không có điều kiện, có điều kiện của hàm nhiều biến, nghiên cứu một số mô hình kinh tế liên quan đến cực trị của hàm nhiều biến.

9.14. LÝ THUYẾT XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ TOÁN, MÃ SỐ: PST131

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54 tiết

Lý thuyết: 36 Thảo luận: 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc*

Các học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước:

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần

Học phần *Lý thuyết xác suất và thống kê toán học* trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về xác suất và thống kê. Các định nghĩa về xác suất, các công thức xác

suất, xác suất có điều kiện, công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes, dãy phép thử Bernoulli được đưa vào chương 1. Chương 2 giới thiệu về biến ngẫu nhiên, hàm phân phối, hàm mật độ, các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên như kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn, mode, trung vị, giá trị tới hạn và một số phân phối thông dụng như phân phối chuẩn, phân phối không – một, phân phối nhị thức, phân phối Student, phân phối khi bình phương, phân phối F... Các chương 3,4,5,6 dành cho thống kê. Lý thuyết mẫu được trình bày trong chương 3. Chương 4 giới thiệu về ước lượng tham số, hai dạng ước lượng tham số là ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Chương 5 bao gồm bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, kiểm định tham số và một số kiểm định phi tham số thông dụng. Chương 6 dành cho bài toán phân tích tương quan và hồi quy.

9.15. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG, MÃ SỐ: GIF121

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54
Lý thuyết: 36 Thực hành: 18 Tự học: 108
Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức cơ bản)*
Các học phần tiên quyết: *Không*
Học phần học trước: *Không*
Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học Tin học đại cương cung cấp các kiến thức chung về máy tính và các thiết bị công nghệ thông tin, các kiến thức và kỹ năng về sử dụng máy tính trong văn phòng để soạn thảo văn bản, tính toán, soạn thảo và trình chiếu báo cáo và khai thác Internet. Kiến thức và kỹ năng của người học đạt được sau khi học xong môn học này đủ để tham gia thi các kỳ thi lấy chứng chỉ IC3 quốc tế hay chứng chỉ tin học căn bản theo Thông tư 03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông

9.16. GIÁO DỤC THỂ CHẤT I, MÃ SỐ: PHEO 11

Số tín chỉ: 01 Tổng số tiết quy chuẩn: 30
Lý thuyết : 4 Thảo luận (thực hành): 26 Tự học:
Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*
Các học phần tiên quyết: *Không*
Học phần học trước: *Không*
Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

- GDTC I là học phần giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện thể chất, nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển các tố chất thể lực, đảm bảo sự kế thừa về nội dung học tập một cách hệ thống và liên tục chặt chẽ với chương trình GDTC trong các trường phổ thông.

- Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao trong trường học; vị trí, vai trò của thể dục thể thao đối với con người và xã hội.

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để tự tập luyện.

9.17. GIÁO DỤC THỂ CHẤT II, MÃ SỐ: PHEO 12

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Lý thuyết : 4

Thảo luận (thực hành): 26 Tự học:

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Học phần GDTC 1*

Học phần học trước: *Học phần GDTC 1*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

- Bóng chuyền là môn thể thao hiện nay rất phát triển ở nước ta, đặc biệt trong các trường chuyên nghiệp, đây là môn thể thao có nhiều hình thức chơi cho từng trường hợp cụ thể và phù hợp với tất cả mọi người. Giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện thể chất trong môi trường đại học, nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển các tố chất thể lực.

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất, kỹ năng đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

9.18. GIÁO DỤC THỂ CHẤT III, MÃ SỐ: PHEO 13

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Lý thuyết: 4

Thảo luận (thực hành): 26

Tự học:

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Học phần GDTC 1*

Học phần học trước: *Học phần GDTC 1 và GDTC 2*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

- Bóng đá là môn thể thao hiện nay rất phát triển ở nước ta, đặc biệt trong các trường chuyên nghiệp, đây là môn thể thao có nhiều hình thức chơi và phù hợp với tất cả mọi người. Giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện thể chất trong môi trường đại học, nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển các tố chất thể lực.

- Đề cương môn học bóng đá nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

9.19. KINH TẾ VI MÔ 1, MÃ SỐ: MIE231

- Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 54

- Lý thuyết: 36

Thảo luận: 18

Tự học: 108

- Loại học phần: *Bắt buộc*

- Học phần tiên quyết: *Không*

- Học phần học trước: *Toán cao cấp, Lịch sử các học thuyết kinh tế*

- Các học phần song hành: Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Tin học đại cương.

Tóm tắt nội dung môn học

Kinh tế học vi mô 1 là môn học nghiên cứu hành vi của các thành viên riêng lẻ trong nền kinh tế. Cụ thể, môn học này cung cấp các kiến thức liên quan đến: Lý thuyết cung cầu; Cơ chế hình thành giá cả của thị trường; Tác động từ sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường; Độ co giãn của cầu, cung và ứng dụng của các hệ số này trong thực tế; Lý thuyết về hành vi người tiêu dùng; Quyết định tối đa hóa lợi ích của người tiêu dùng; Lý thuyết về sản xuất, chi phí, lợi nhuận; Các cấu trúc thị trường; Quyết định sản xuất tối ưu của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau (cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền thuần túy); Thị trường lao động; Các thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ nhằm khắc phục các thất bại đó.

9.20. KINH TẾ VĨ MÔ I, MÃ SỐ: MAE231

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc*

Các học phần tiên quyết: *Kinh tế học vi mô 1*

Học phần học trước: *Lịch sử các học thuyết kinh tế*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Kinh tế vĩ mô 1 là môn học cơ bản của chuyên ngành kinh tế, nghiên cứu và xem xét nền kinh tế với tư cách là một tổng thể. Môn học giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước và sự can thiệp của Chính phủ mỗi quốc gia nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ. Những biến số kinh tế vĩ mô cơ bản bao gồm tổng cung, tổng cầu, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng thể hiện sự điều tiết vĩ mô của Chính phủ như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương... Bằng phương pháp mô hình hóa, trừu tượng hóa khoa học, môn học sẽ giải thích mối quan hệ giữa các biến số vĩ mô cơ bản trong từng mô hình kinh tế từ đơn giản đến phức tạp, đồng thời nghiên cứu và phân tích trạng thái của nền kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn.

9.21. TÀI CHÍNH TIỀN TỆ 1, MÃ SỐ: FAM321

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết : 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: Những NL CB của CN Mác - Lênin

Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Những NL CB của CN Mác - Lênin

Học phần song hành: Pháp luật đại cương, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung cơ bản của học phần Tài chính tiền tệ 1 là nhằm trang bị cho người học và các đối tượng quan tâm khác những kiến thức cơ bản và mở rộng về lĩnh vực tài chính tiền tệ trong nền kinh tế thị trường như : tổng quan về tiền tệ, cung và cầu tiền tệ, những vấn đề cơ bản về tài chính, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tín dụng... từ đó có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

9.22. NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ, MÃ SỐ: PSE231

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết : 36

Thảo luận (thực hành): 18

Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Lý thuyết XS & TKê toán

Học phần song hành: *Kinh tế Vi mô, Kinh tế Vĩ mô*

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về thống kê như một số khái niệm về thống kê và các khái niệm thường dùng trong thống kê, các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê, các phương pháp phân tích thống kê thường dùng. Bên cạnh đó, trong quá trình học, sinh viên sẽ hiểu, biết và vận dụng các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin, các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng (Phương pháp phân tích dãy số thời gian, phân tích chỉ số,...). Từ đó đọc, hiểu và tính toán được các chỉ tiêu kinh tế để nhận thức được chính xác hiện tượng kinh tế xã hội từ đó đưa ra những quyết định phù hợp và chính xác trong quản lý.

9.23. NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN, MÃ SỐ: ACT 231

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 54 tiết

Lý thuyết: 36

Thảo luận: 18

Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần

Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Đồng thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính.

9.24. MARKETING CĂN BẢN, MÃ SỐ GEM 231

Số tín chỉ: 03.

Tổng số tiết quy chuẩn: 54 tiết

Lý thuyết: 36

Thảo luận 18

Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc*

Các học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học

Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Nắm được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được các đặc điểm hành vi của khách hàng, các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi mua của khách hàng, tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược đó với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix tạo ưu thế so với các đối thủ cạnh tranh.

9.25. LUẬT KINH TẾ, MÃ SỐ: ELA231

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36

Thảo luận (thực hành): 18

Tự học: 108 giờ

Loại học phần : *Bắt buộc*

Các học phần tiên quyết: Pháp luật đại cương

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học

Môn Luật kinh tế là môn học bắt buộc cho tất cả các chuyên ngành đào tạo thuộc khối ngành kinh tế của trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thiết thực về pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường như: Hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế; Vấn đề thành lập, tổ chức, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh; Hợp đồng trong quan hệ kinh doanh, thương mại; Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại, Pháp luật về Phá sản; Pháp luật Lao động... Những kiến thức về pháp luật kinh tế sẽ giúp sinh viên khi ra trường hoạt động kinh doanh tránh những hành vi vi phạm pháp luật, biết lựa chọn các mô hình kinh doanh thích hợp và sử dụng các công cụ pháp lý để tiến hành kinh doanh một cách có hiệu quả và bảo vệ hữu hiệu quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

9.26. QUẢN TRỊ HỌC, MÃ SỐ: MAN221

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54 tiết
Lý thuyết: 36 Thảo luận: 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc đối với tất cả các chuyên ngành*

Các học phần tiên quyết:

Học phần học trước:

Học phần song hành: Kinh tế vi mô 1, Toán kinh tế, Marketing căn bản

Tóm tắt nội dung học phần

Quản trị học là một môn học cơ sở trong chương trình đào tạo đại học cho các khối trường kinh tế. Đây là một môn khoa học nghiên cứu các vấn đề chi phối đến tính hiệu quả của lao động tập thể trong một tổ chức. Quản trị học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để quản trị các hoạt động của một tổ chức nhằm đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện mục tiêu chung. Nghiên cứu về Quản trị học sẽ mang lại một số lợi ích sau cho người học:

- Giúp cho người học nhận thức được cơ sở khoa học của hoạt động quản trị
- Giúp cho người học vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn quản trị
- Chuẩn bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị tạo điều kiện thuận lợi để học tốt các môn học khoa học nghiệp vụ chuyên ngành như Quản trị Marketing; Quản trị nhân lực; Quản trị ngân hàng; Quản lý kinh tế, Kế toán quản trị...

Nội dung cơ bản của môn quản trị học gồm: Giới thiệu các vấn đề chung về quản trị, các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm soát và các phương pháp quản trị xung đột ...

9.27. KINH TẾ LƯỢNG, MÃ SỐ: ECO231

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54
Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Toán cao cấp, XS thống kê, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Học phần song hành: Tin học ứng dụng, Nguyên lý thống kê

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Yêu cầu sinh viên phải mang máy tính xách tay trong giờ thực hành trên lớp.

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học Kinh tế lượng bao gồm 8 chương với 2 nội dung căn bản

+ Nội dung thứ nhất (chương 1 đến chương 4) giới thiệu về mô hình hồi quy (đơn biến và đa biến): Cách biểu diễn mô hình hồi quy tổng thể, mô hình hồi quy mẫu, phương pháp ước lượng hệ số, khoảng tin cậy, kiểm định hệ số và kiểm định mô hình, dự báo.

+ Nội dung thứ 2 (chương 5 đến chương 8) giới thiệu về các khuyết tật có thể xảy ra của một mô hình kinh tế lượng (đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, thiếu biến/mô hình sai): khái niệm, nguyên nhân, hậu quả, cách phát hiện và biện pháp khắc phục.

Song song với nội dung lý thuyết, sinh viên được hướng dẫn thực hành và làm bài tập nhóm trên phần mềm EVIEWS.

9.28. LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ, MÃ SỐ: HET231

*) Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 54

+ Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết

+ Thảo luận: 18 tiết

+ Làm bài tập:

+ Tự học: 108

*) Loại học phần: *Bắt buộc với SV ngành Kinh tế*

+ Học phần học trước: *không*

+ Học phần song hành: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lenin

Tóm tắt nội dung môn học

Xã hội loài người đã và đang trải qua những hình thái kinh tế - xã hội khác nhau. Ở mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội, loài người đều có những hiểu biết và cách giải thích các hiện tượng kinh tế - xã hội nhất định. Môn học Lịch sử các học thuyết kinh tế hệ thống đầy đủ các quan điểm kinh tế của các trường phái, các đại biểu tiêu biểu trên thế giới gắn với điều kiện lịch sử xuất hiện của chúng từ trước đến nay. Trong quá trình học, sinh viên sẽ nắm được quá trình hình thành, phát sinh, phát triển của từng hệ thống quan điểm kinh tế. Đánh giá các quan điểm kinh tế trong từng thời kỳ với nhau để thấy được ưu nhược điểm và hạn chế của những quan điểm này từ đó có cách nhìn khái quát nhất về quá trình phát triển kinh tế cho đến ngày nay cũng như rút ra những bài học, quan điểm riêng cho bản thân.

9.29. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI, MÃ SỐ: EAH221

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 36 tiết

Lý thuyết: 24

Thảo luận: 12

Tự học: 72

Loại học phần: *Tự chọn*

Các học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần

Môi trường và con người được xây dựng nhằm giúp cho người học có thể hiểu được mối quan hệ giữa con người và môi trường, hiểu rõ hơn tầm quan trọng của môi trường. Bằng các kiến thức về khoa học môi trường, môn học cung cấp những vấn đề nền tảng của môi trường hiện nay trong mối quan hệ tác động qua lại với con người. Từ đó, người học ngoài việc vận dụng các kiến thức đã học nhằm cải thiện môi trường còn có khả năng tham gia vào ứng phó với các vấn đề tiêu cực đang tồn tại của môi trường toàn cầu.

9.30. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, MÃ SỐ: SRM321

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 36

Lý thuyết: 24

Thảo luận (thực hành): 12

Tự học: 72

Loại học phần: *Bắt buộc*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Kinh tế lượng, Nguyên lý thống kê

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức chung, đối tượng nghiên cứu là những vấn đề liên quan đến phương pháp để thực hiện một nghiên cứu khoa học. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về: khoa học, nghiên cứu khoa học, xác định và mô tả nghiên cứu, phương pháp thu thập, xử lý, phân tích thông tin để trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học, cung cấp kỹ năng để phát hiện vấn đề và hình thành ý tưởng nghiên cứu.

9.31. ĐỊA LÝ KINH TẾ VIỆT NAM, MÃ SỐ: VGE321

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 54 tiết

Lý thuyết: 36

Thảo luận: 18

Tự học: 108

Loại học phần: Tự chọn

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản của lý luận về tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội nói chung, tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội của nước Việt Nam nói riêng. Môn học trình bày những khái niệm vùng kinh tế, phân vùng kinh tế dựa theo chuyên môn hóa kinh tế. Môn học giới thiệu vai trò, vị trí của từng ngành kinh tế trong tổng thể nền kinh tế, giới thiệu sự phân bố cụ thể của các ngành nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ của Việt Nam, từ đó sinh viên có thể áp dụng vào thực tế trong quy hoạch, lựa chọn vùng (địa điểm) cụ thể cho đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế. Môn học giúp cho sinh viên hiểu được vị trí của Việt Nam trong tổng thể kinh tế thế giới, ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế. Môn học giới thiệu các nguồn lực phát triển chủ yếu và cách sử dụng các nguồn lực đó để phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

9.32. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ, MÃ SỐ: SME331

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 54 tiết

Lý thuyết: 36

Thảo luận: 18

Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc (Khởi kiến thức ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Pháp luật đại cương

Học phần song hành: Quản trị học

Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm 7 chương, tập trung vào việc nghiên cứu vai trò, mục tiêu và chức năng của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay theo quan điểm chiến lược của Đảng. Thông qua việc tìm hiểu những công cụ và phương pháp quản lý nền kinh tế mà Nhà nước đã vận dụng, đồng thời môn học Quản lý Nhà nước về kinh tế cũng tìm hiểu về bộ máy, đội ngũ cán bộ cũng như các nguyên tắc, tiêu chuẩn trong tổ chức bộ máy và hoạt động của các cơ quan và cán bộ công chức trong hoạt động quản lý nhà nước.

9.33. KINH TẾ MÔI TRƯỜNG, MÃ SỐ: ENC331

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54 tiết

Lý thuyết: 36 Thảo luận: 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức ngành)*

Các học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần

Kinh tế môi trường nghiên cứu mối quan hệ tương tác qua lại và phụ thuộc lẫn nhau giữa hệ thống kinh tế và môi trường tự nhiên, các nguyên nhân kinh tế, đánh giá thiệt hại kinh tế của các vấn đề môi trường (ô nhiễm, suy thoái môi trường...) và phân tích khía cạnh kinh tế của các công cụ chính sách quản lý môi trường. Kinh tế môi trường cũng nghiên cứu các phương pháp định giá giá trị môi trường và cách thức sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

9.34. KINH TẾ VI MÔ 2, MÃ SỐ: MIE322

*) Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54

+ Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết + Thảo luận: 06 tiết

+ Làm bài tập: 12 tiết + Tự học: 108

*) Loại học phần: *Bắt buộc với SV ngành Kinh tế*

+ Học phần học trước: Lịch sử các học thuyết kinh tế, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

+ Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Tiếp nối các kiến thức của kinh tế vi mô 1, học phần Kinh tế vi mô 2 cung cấp các kiến thức chuyên sâu về kinh tế vi mô cho các sinh viên chuyên ngành kinh tế ở bậc đại học. Trước hết, môn học giới thiệu về các mô hình kinh tế và phương pháp tối ưu hóa. Các phương pháp tối ưu hóa này được sử dụng để giải quyết bài toán tối ưu trong sản xuất, tiêu dùng đặc biệt trong thời kỳ dài hạn. Các phương pháp tối ưu hóa này cũng

được sử dụng để tìm ra kết quả tối ưu của các doanh nghiệp trong các thị trường: cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền thuần túy, cạnh tranh không hoàn hảo. Ngoài ra, kinh tế vĩ mô 2 còn nghiên cứu sâu về thị trường các yếu tố sản xuất để tìm ra số lượng các đầu vào tối ưu được sử dụng trong sản xuất. Cuối cùng, môn học tìm hiểu về các thất bại của thị trường trong việc sản xuất và cung ứng các hàng hóa, dịch vụ, giải pháp của Chính phủ để khắc phục các thất bại đó.

9.35. KINH TẾ VĨ MÔ 2, Mã học phần: MAE322

- Số tín chỉ: 03 Loại học phần : Bắt buộc
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết
 - + Thảo luận: 06 tiết
 - + Làm bài tập: 12 tiết
 - + Tự học: 108 giờ
- Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1; Kinh tế vĩ mô 1
- Các học phần song hành: Kinh tế công cộng; Kinh tế phát triển

Tóm tắt nội dung môn học

Kinh tế vĩ mô – học phần 2 nghiên cứu những kiến thức nâng cao của kinh tế học vĩ mô về ứng xử tổng thể của nền kinh tế theo các biến số quan trọng như: tiêu dùng, đầu tư, lãi suất, thu nhập... Đặc biệt là vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế vĩ mô thông qua việc thực hiện các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và chính sách kinh tế mở. Đồng thời, học phần này cũng đề cập đến những vấn đề liên quan đến tăng trưởng kinh tế và các mô hình mô tả nền kinh tế trong dài hạn, từ sản xuất, phân phối đến phân bổ thu nhập quốc dân; mô hình cân bằng tổng hợp như mô hình IS-LM, mô hình Mundell –Fleming. Học phần cũng chú trọng đến việc áp dụng những mô hình, lý thuyết kinh tế vĩ mô để phân tích các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong thực tế điều hành nền kinh tế vĩ mô. Việc xây dựng các mô hình kinh tế sẽ giúp giải thích các mối quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cả trong ngắn hạn và dài hạn.

9.36. LUẬT ĐẦU TƯ, MÃ SỐ: ILA321

- Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54
- Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108
- Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*
- Các học phần tiên quyết: Pháp luật đại cương
- Học phần học trước: Luật kinh tế
- Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Luật đầu tư là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về các hoạt động đầu tư kinh doanh bao gồm hình thức đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư, đảm bảo khuyến khích đầu tư, quy chế pháp lý về đầu tư kinh doanh trong nước, đầu tư ra nước ngoài. Môn học giúp cho sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo, để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật đầu tư với các môn học khác. Hiểu biết về luật đầu tư sẽ giúp sinh viên khi ra trường hoạt động kinh doanh tránh

được những hành vi vi phạm pháp luật, biết lựa chọn các hình thức đầu tư thích hợp, nắm được các bước để triển khai một dự án đầu tư vừa có hiệu quả vừa phù hợp với quy định của pháp luật và sử dụng các công cụ pháp lý để tiến hành đầu tư một cách có hiệu quả và bảo vệ hữu hiệu quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

9.37. KINH TẾ ĐẦU TƯ HỌC PHẦN I, MÃ SỐ: IEC 331

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36

Thảo luận (thực hành): 18

Tự học: 108

Loại học phần: Bắt buộc

Các học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế phát triển

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học

Kinh tế Đầu tư là một môn khoa học kinh tế thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế trong lĩnh vực hoạt động đầu tư phát triển.

Môn học Kinh tế Đầu tư – học phần I sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển. Đó là những vấn đề lý luận chung về đầu tư như khái niệm và bản chất của đầu tư nói chung và đầu tư phát triển nói riêng; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư, xem xét các nội dung của vốn đầu tư và phân loại các hoạt động đầu tư nhằm đáp ứng các yêu cầu của quản lý và nghiên cứu kinh tế. Đồng thời, môn học cũng xem xét tới các nhân tố ảnh hưởng tới chi tiêu đầu tư và các nội dung đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.

9.38. KINH TẾ PHÁT TRIỂN 1, Mã SỐ: DEC 321

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết : 36

Thảo luận (thực hành): 18

Tự học: 108

Loại học phần: Bắt buộc đối với chuyên ngành Kinh tế phát triển

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Kinh tế phát triển là một môn trong hệ thống các môn kinh tế học. Học phần này nghiên cứu các nguyên lý phát triển kinh tế trong điều kiện các nước đang phát triển. Như vậy, môn học sẽ cung cấp cho người học, các nhà kinh tế tương lai, các nhà hoạch định chính sách những cơ sở lý luận cũng như thực tiễn cho việc tìm ra con đường hợp lý nhất để tăng trưởng kinh tế, cải thiện và nâng cao mức sống và đảm bảo sự tiến bộ cho mọi người ở mỗi quốc gia đang phát triển

Học phần kinh tế phát triển dựa trên nền tảng công cụ lý thuyết của kinh tế học, nhất là kinh tế học tân cổ điển và kinh tế học hiện đại để tìm hiểu, lý giải, phân tích các vấn đề thực tiễn đã và đang diễn ra. Học phần này cũng có mối liên hệ mật thiết với các

môn học kinh tế ngành khác như: kinh tế quốc tế, kinh tế công cộng, kinh tế môi trường, kinh tế nguồn nhân lực, tài chính công...

Để thực hiện được vai trò của mình, học phần kinh tế phát triển sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức sau:

- Tăng trưởng và phát triển kinh tế
- Các lý thuyết phát triển kinh tế
- Các nguồn lực phát triển kinh tế
- Phúc lợi cho con người và phát triển kinh tế
- Toàn cầu hóa và nền kinh tế tri thức

9.39. KINH TẾ CÔNG CỘNG, MÃ SỐ: PEC 331

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Tự chọn (Kiến thức cơ sở ngành chính)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Tổng quan về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường và đối tượng nghiên cứu của môn học kinh tế công cộng; Chính phủ với vai trò phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế; Chính phủ với vai trò phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội; Chính phủ với vai trò ổn định kinh tế vĩ mô trong điều kiện toàn cầu hoá; Lựa chọn công cộng; Các công cụ chính sách can thiệp chủ yếu của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Phân tích chính sách chi tiêu công cộng; Thuế và tác động của thuế.

9.40. KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÙNG, MÃ SỐ: ERP321

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Kinh tế phát triển 1, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Marketing căn bản

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Kinh tế vùng là một bộ phận của nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển có hiệu quả của kinh tế vùng sẽ tác động trực tiếp đến sự tăng trưởng kinh tế không chỉ riêng đối với từng vùng mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Phát triển các vùng kinh tế trên cơ sở khai thác thế mạnh tiềm năng mỗi vùng, liên kết giữa các vùng nhằm thu hút đầu tư, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng đều có, làm cho các vùng đều có chuyển

biên tiến bộ, cơ cấu kinh tế hợp lý tạo nên sự phát triển kinh tế xã - hội mạnh mẽ của cả nước là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn kinh tế và chính sách phát triển vùng, tham khảo kinh nghiệm của các nước về phát triển kinh tế vùng và khả năng vận dụng ở Việt Nam là một trong những việc làm có ý nghĩa thiết thực. Môn học kinh tế và chính sách phát triển vùng sẽ đề cập đến một số mô hình đánh giá tăng trưởng kinh tế vùng, nguyên nhân phát triển cách biệt giữa các vùng, kinh nghiệm của một số nước về một số giải pháp và chính sách thu hẹp khoảng cách phát triển vùng.

9.41. KINH TẾ BẢO HIỂM, MÃ SỐ: INE 331

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54
Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108
Loại học phần: Tự chọn (*Kiến thức cơ sở ngành chính*)
Các học phần tiên quyết: *Không*
Học phần học trước: Kinh tế học vi mô 1
Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Tổng quan về bảo hiểm; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế; Tổng quan về bảo hiểm thương mại; Nghiên cứu chi tiết một số loại hình bảo hiểm thương mại cụ thể như: Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm con người.

9.42. KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP, MÃ SỐ: BUA331

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54
Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108
Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*
Các học phần tiên quyết: *Nguyên lý kế toán*
Học phần học trước: *Không*
Học phần song hành: *Kế toán Xây dựng cơ bản*

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học kế toán doanh nghiệp cung cấp các kiến thức nền tảng cho kế toán chuyên nghiệp hoặc cho các bộ phận khác trong doanh nghiệp. Nội dung môn học bao gồm khái quát cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất, kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán tài sản cố định, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính.

9.43. THỐNG KÊ KINH TẾ, MÃ SỐ: EST321

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54
Lý thuyết : 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108
Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Trước tiên, môn học Thống kê kinh tế xác định đối tượng nghiên cứu của môn học là mặt lượng trong mối liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn đặt trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể. Giới thiệu hệ thống các chỉ tiêu Thống kê kinh tế chủ yếu được nghiên cứu trong môn học và hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân của Việt Nam. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những nội dung chính của hệ thống tài khoản quốc gia.

Các chương còn lại tập chung nghiên cứu cụ thể về lý luận và phương pháp tính toán và phân tích các chỉ tiêu thống kê kinh tế chủ yếu như: dân số và nguồn lao động; các chỉ tiêu kết quả và hiệu quả sản xuất xã hội như Tổng sản phẩm trong nước, giá trị gia tăng, tổng giá trị sản xuất, năng suất lao động,...

Ngoài ra môn học cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về Hệ thống Ngân sách Nhà nước, cập nhật các thông tin về tình hình ngân sách Nhà nước Việt Nam. Tính toán các chỉ tiêu thống kê mức sống dân cư của các quốc gia, từ đó so sánh giữa các quốc gia với nhau.

9.44. ĐẦU TƯ QUỐC TẾ, MÃ SỐ: IIN331

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về đầu tư quốc tế; phân tích các lý thuyết đầu tư quốc tế, các hình thức đầu tư quốc tế, các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế (môi trường đầu tư ở nước đi đầu tư, nước nhận đầu tư và môi trường đầu tư quốc tế), các chính sách, biện pháp thu hút và thúc đẩy đầu tư quốc tế, hoạt động chuyển giá trong đầu tư quốc tế, mua lại và sáp nhập trong đầu tư quốc tế. Trên cơ sở các phân tích lý thuyết môn học sẽ cung cấp những kiến thức thực tiễn về đầu tư quốc tế trên thế giới và ở Việt Nam, tiếp cận các giải pháp đối với đầu tư quốc tế. Môn học còn cung cấp các kiến thức chuyên sâu về những cơ hội và thách thức đối với đầu tư quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập sâu, rộng hiện nay; có liên hệ với điều kiện cụ thể của Việt Nam, làm cơ sở cho tư vấn, phân tích, hoạch định và thực thi các chính sách đối với đầu tư nước ngoài của Việt Nam.

9.45. LẬP VÀ PHÂN TÍCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ, MÃ SỐ: AIP 331

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54
Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108
Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*
Các học phần tiên quyết: *Không*
Học phần học trước: *Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I*
Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Môn Lập và phân tích dự án đầu tư trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập dự án. Môn học bắt đầu từ việc xem xét những vấn đề lý luận chung về đầu tư phát triển, về dự án đầu tư phát triển. Trên cơ sở đó, đi sâu xem xét trình tự và các nội dung cần nghiên cứu trong quá trình soạn thảo dự án đầu tư; xem xét công tác tổ chức soạn thảo dự án; xem xét nội dung, phương pháp phân tích đánh giá các khía cạnh của dự án ở giai đoạn nghiên cứu khả thi: Nghiên cứu điều kiện vĩ mô, thị trường, kỹ thuật, tổ chức quản lý và nhân sự, tài chính, kinh tế - xã hội.

9.46. KINH TẾ ĐẦU TƯ HỌC PHẦN II, MÃ SỐ: CEI 332

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54
Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108
Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*
Các học phần tiên quyết: *Không*
Học phần học trước: *Kinh tế đầu tư học phần 1*
Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học Kinh tế Đầu tư là một môn học bắt buộc cho sinh viên chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Môn học có mục tiêu trang bị đầy đủ những kiến thức về mặt lý thuyết và thực tế liên quan đến lĩnh vực đầu tư cho sinh viên.

Học phần II của môn học Kinh tế Đầu tư sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguyên tắc tổ chức quản lý hoạt động đầu tư, công tác kế hoạch hóa đầu tư, những tiêu chí đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư trên góc độ vĩ mô và vi mô, giúp sinh viên hiểu và có thể đề xuất một số giải pháp quản lý đầu tư phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư nói chung.

9.47. THỊ TRƯỜNG VỐN ĐẦU TƯ, MÃ SỐ: CAM331

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54
Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108
Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*
Các học phần tiên quyết: *Không*
Học phần học trước: *Kinh tế vi mô 1 & 2, Kinh tế vĩ mô 1 & 2*
Học phần song hành: *Thị trường chứng khoán*

Tóm tắt nội dung môn học

Học phần cung cấp kiến thức căn bản nhất về thị trường vốn: khái niệm, cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động, các công cụ đầu tư trên thị trường, các phương thức huy động qua thị trường vốn, nội dung của phân tích chứng khoán và ra quyết định đầu tư, cơ chế vận hành của quỹ đầu tư chứng khoán và thị trường bất động sản.

9.48. QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ, MÃ SỐ: PRM 331

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần : *Bắt buộc*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Lập và phân tích dự án đầu tư

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học Quản lý dự án đầu tư là một môn khoa học kinh tế nghiên cứu những vấn đề về phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quản lý dự án đầu tư. Nhiệm vụ chính của môn học là luận giải có cơ sở khoa học tính tất yếu của việc quản lý có hiệu quả dự án đầu tư, trình bày một cách có hệ thống phương pháp luận và những phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án. Đồng thời, môn học cũng có nhiệm vụ làm rõ nội dung, cơ sở khoa học xác định đối tượng quản lý, phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án.

9.49. ĐẤU THẦU TRONG ĐẦU TƯ, MÃ SỐ: BID 321

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Lập và Phân tích dự án đầu tư

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học Đấu thầu trong đầu tư giúp cho sinh viên luận giải có cơ sở khoa học của sự cần thiết phải thực hiện hoạt động đấu thầu, làm rõ cơ sở khoa học cho việc lập kế hoạch đấu thầu cho một dự án đầu tư cũng như quy trình cần thiết thực hiện hoạt động đấu thầu cho một gói thầu, làm rõ phương pháp luận cho việc soạn thảo Hồ sơ mời thầu và phương pháp đánh giá Hồ sơ dự thầu từ góc độ chủ đầu tư mà đại diện là bên mời thầu, đồng thời vận dụng các vấn đề lý luận về đấu thầu vào thực tiễn ở Việt Nam

9.50. THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ, MÃ SỐ: IPA 331

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Lập và Phân tích dự án đầu tư*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Học phần Thẩm định dự án đầu tư trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Thẩm định dự án, bao gồm: vị trí và vai trò của công tác thẩm định dự án đầu tư; quy trình thẩm định dự án đầu tư, các phương diện và quan điểm phân tích dự án như phân tích tài chính dự án, phân tích kinh tế xã hội dự án. Đồng thời, môn học Thẩm định dự án đầu tư cũng trang bị phương pháp thẩm định dự án và tiêu chí thẩm định để người học có đầy đủ các công cụ và phương pháp để thẩm định không chỉ các dự án sản xuất kinh doanh mà còn dự án đầu tư công. Cuối cùng, Thẩm định dự án cung cấp nội dung thẩm định theo nhóm các yếu tố và thẩm định hiệu quả dự án đầu tư.

9.51. PHÂN TÍCH LỢI ÍCH CHI PHÍ, MÃ SỐ: BCA331

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54 tiết

Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Kinh tế môi trường; Lập và phân tích dự án đầu tư

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học Phân tích lợi ích chi phí trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích lợi ích chi phí, các quan điểm trong phân tích lợi ích chi phí, quy trình phân tích như thế nào; Cơ sở nào để nhận dạng, phân tích lợi ích và chi phí; Cách lượng hóa lợi ích chi phí trong các trường hợp có hoặc không có giá thị trường, xuất hiện hàng hóa ngoại thương, trong thị trường bị biến dạng, hay với các loại hàng hóa khác nhau, ... Tất cả các nội dung đó giúp người học có được những kiến thức và biết vận dụng linh hoạt các phương pháp phân tích các phương án, các dự án phát triển kinh tế xã hội trước khi ra quyết định đối với các dự án đầu tư.

9.52. THỐNG KÊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN, MÃ SỐ: SIC331

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Nguyên lý thống kê; Kinh tế đầu tư 1

Học phần song hành: Kinh tế đầu tư 2

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học thống kê đầu tư và xây dựng cơ bản được chia làm 7 chương. Môn học nghiên cứu là các quy luật số lượng của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn diễn ra trong lĩnh vực hoạt động đầu tư và xây dựng cơ bản. Môn học chia làm hai nội dung căn bản:

- Nội dung thứ nhất: giới thiệu những nội dung cơ bản về đầu tư xây dựng cơ bản và những lĩnh vực cũng như phương pháp nghiên cứu của thống kê. Phân tích thống kê huy động tài sản cố định và năng lực sản xuất dịch vụ, độ dài và cường độ đầu tư xây dựng. Đánh giá tình hình sử dụng vốn đầu tư. Phân tích hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế xã hội đối với từng dự án và đối với doanh nghiệp.

- Nội dung thứ 2: giới thiệu về khái niệm cơ bản về thống kê sản xuất xây lắp và các chỉ tiêu thống kê sản phẩm xây lắp. Vai trò của lao động và thống kê lao động trong đơn vị xây lắp. Nghiên cứu về kết cấu giá thành và biến động cũng như tình hình thực hiện hạ giá thành trong đơn vị xây lắp.

Song song với nội dung lý thuyết, sinh viên còn được hướng dẫn để đánh giá về một dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Thực hiện các phân tích định lượng dưới dạng bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm.

9.53. PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN, MÃ SỐ: DPA321

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết : 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: Bắt buộc đối với ngành Kinh tế phát triển

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Kinh tế phát triển 1

Học phần song hành: Không có

Tóm tắt nội dung môn học

Học phần Phân tích chính sách phát triển bao gồm 6 chương. Học phần tập trung giải quyết những vấn đề chung có tính phương pháp luận của phân tích chính sách như: hiểu thế nào là phân tích chính sách; khung khổ phân tích trong quá trình chính sách, các nguyên tắc, căn cứ để phân tích chính sách; các loại hình phân tích chính sách. Nội dung của môn học được sắp xếp theo trình tự các công đoạn trong quy trình xây dựng và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Môn học làm rõ chức năng, vai trò và sự cần thiết phân tích ở mỗi công đoạn của quá trình chính sách; các cách tiếp cận, các mô hình và các phương pháp phân tích thích hợp.

9.54. NGHIÊN CỨU VÀ DỰ BÁO KINH TẾ , MÃ SỐ: ERF321

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Tự chọn (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Xác xuất thống kê, Kinh tế lượng*

Học phần song hành: *Thống kê Kinh tế*

Tóm tắt nội dung môn học

Nội dung của môn học Nghiên cứu và dự báo kinh tế được chia thành 5 chương. Mỗi chương xây dựng các phương pháp dự báo cụ thể đối với từng bộ số liệu xác định, bao gồm: dự báo bằng phương pháp ngoại suy xu thế, phương pháp san mũ, phương pháp

thời vụ, phương pháp ARIMA và dự báo dựa trên mô hình tăng trưởng và bão hòa. Môn học đã đưa ra những phương pháp dự báo tiên tiến đang được ứng dụng ở trong và ngoài nước. Các phương pháp dự báo này được áp dụng rộng rãi trong việc dự báo các chỉ tiêu định lượng và định tính về các vấn đề kinh tế - xã hội.

9.55. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, MÃ SỐ: EDF331

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 54 tiết

Lý thuyết: 36 tiết

Thảo luận (thực hành): 18 tiết

Tự học: 108 giờ

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Kinh tế phát triển 1*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Dự báo phát triển kinh tế - xã hội là một môn khoa học xã hội cung cấp các phương pháp dự báo, tiên đoán có tính khoa học, mang tính chất xác xuất về mức độ, nội dung, các mối quan hệ, trạng thái, xu hướng phát triển của các vấn đề kinh tế - xã hội hoặc về cách thức và thời hạn đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra trong tương lai. Học phần này cung cấp cho người học, các nhà kinh tế, các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý những phương pháp dự báo nhằm hỗ trợ cho quá trình ra quyết định quản lý.

Học phần này dựa trên cơ sở tính khoa học của chủ nghĩa Marx – Lenin như quy luật biện chứng, kế thừa lịch sử. Học phần cũng sử dụng các công cụ toán học kết hợp với kinh tế học. Bên cạnh đó, học phần còn có mối liên hệ mật thiết với các môn học kế hoạch hóa phát triển kinh tế xã hội, chính sách và quy hoạch phát triển vùng, tài chính công, chiến lược kinh doanh...

Để thực hiện được vai trò của học phần, học phần dự báo phát triển kinh tế - xã hội sẽ trang bị cho sinh viên những nội dung sau:

- Những vấn đề cơ bản về lý luận, phương pháp luận của dự báo.
- Hệ thống các phương pháp dự báo cơ bản
- Các lĩnh vực và các yếu tố dự báo chủ yếu.

9.56. KẾ HOẠCH HÓA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, MÃ SỐ: SDP 321

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết : 36

Thảo luận (thực hành): 18

Tự học: 108

- Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*

- Học phần tiên quyết: Kinh tế Vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1

- Các học phần học trước: Kinh tế Vi mô 2, Kinh tế lượng

- Các học phần song hành: Kinh tế vĩ mô 2, Kinh tế phát triển, Kinh tế công cộng

Tóm tắt nội dung môn học

Kế hoạch hóa (KHH) phát triển là môn học lý luận quản lý ứng dụng. Nó nghiên cứu các vấn đề lý luận, phương pháp luận và phương pháp cụ thể về xây dựng, thực hiện,

theo dõi đánh giá hệ thống kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong nền kinh tế thị trường. Cụ thể nó nghiên cứu:

- Cơ sở lý luận và phương pháp luận của KHH phát triển, bao gồm các lập luận về cơ sở tồn tại của kế hoạch trong nền kinh tế thị trường, các quan điểm, nguyên tắc và phương pháp KHH phát triển, các bộ phận cấu thành hệ thống KHH phát triển ở Việt Nam, nội dung và phương pháp thực hiện quá trình soạn lập, tổ chức thực hiện, theo dõi và đánh giá kế hoạch.

- Nội dung và phương pháp lập các kế hoạch phát triển kinh tế, bao gồm:

- + Các kế hoạch mục tiêu: KH tăng trưởng kinh tế, KH chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, KH phát triển công nghiệp và nông nghiệp.

- + Các KH biện pháp: KH vốn đầu tư, KH lao động – việc làm, KH ngoại thương, KH ngân sách và tiền tệ.

- Nội dung và phương pháp lập các kế hoạch phát triển xã hội: KH phát triển dân số, KH phát triển giáo dục, KH phát triển sự nghiệp y tế khám chữa bệnh.

9.57. QUẢN LÝ RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ, MÃ SỐ: RMI321

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36

Thảo luận (thực hành): 18

Tự học: 72

Loại học phần: *Tự chọn (Thay thế khóa luận tốt nghiệp)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: Lập và phân tích dự án đầu tư

Học phần song hành: *Quản lý dự án đầu tư, Thị trường vốn đầu tư*

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học quản lý rủi ro trong đầu tư trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về quản lý rủi ro trong các hoạt động đầu tư diễn ra trong nền kinh tế. Môn học được trình bày trong năm chương, bao gồm một số nội dung cơ bản như: kiến thức tổng quan về rủi ro và quản lý rủi ro trong đầu tư; nhận diện các loại rủi ro trong hoạt động đầu tư thông qua các kỹ thuật nhận diện; các công cụ được sử dụng để định lượng, đo lường rủi ro của các phương án đầu tư cho các chủ đầu tư; phân tích và lựa chọn các phương án đầu tư và ra quyết định trong điều kiện rủi ro; quản lý rủi ro đối với các dự án đầu tư; các phương pháp nhằm phòng ngừa và kiểm soát rủi ro.

9.58. ĐẦU TƯ CÔNG, MÃ SỐ: PUI331

Số tín chỉ: 03

Tổng số tiết quy chuẩn: 54

Lý thuyết: 36

Thảo luận (thực hành): 18

Tự học: 108

Loại học phần: Tự chọn

Các học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Kinh tế đầu tư I, Kinh tế phát triển

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung môn học

Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính công, như: lý luận về đầu tư công và quản lý đầu tư công, các chủ thể tham gia đầu tư công, giám sát và quản lý đầu tư công. Điều này sẽ là rõ được những vấn đề cơ bản của đầu tư công, người học có được cái nhìn tổng quát về hoạt động đầu tư công.

Trong môn học cũng liên hệ với việc đầu tư công và việc nợ công, để thấy được mối liên hệ này giúp hình thành nên các giải pháp trong việc đầu tư công hiệu quả hơn.

Đánh giá được kết quả và hiệu quả của đầu tư công giúp tìm ra được các giải pháp khắc phục những hạn chế gặp phải, đồng thời người học bước đầu hình thành những kiến thức trong việc thẩm định các dự án công

9.59. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, MÃ SỐ: FII331

Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết quy chuẩn: 54 tiết.

Lý thuyết : 36 Thảo luận (thực hành): 18 Tự học: 108

Loại học phần: *Bắt buộc (Khối kiến thức chuyên ngành)*

Các học phần tiên quyết: *Không*

Học phần học trước: *Không*

Học phần song hành: *Không*

Tóm tắt nội dung môn học

Môn học Đầu tư tài chính là một môn học bắt buộc cho sinh viên chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Môn học có mục tiêu trang bị đầy đủ những kiến thức về mặt lý thuyết và thực tế liên quan đến lĩnh vực đầu tư cho sinh viên.

Môn học Đầu tư tài chính sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về cung cấp một cách có hệ thống các vấn đề lý thuyết cơ bản về đầu tư tài chính và các ứng dụng thực tiễn theo một quy trình đầu tư từ phân tích và lựa chọn tài sản đầu tư đến định giá tài sản đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư và quản lý danh mục đầu tư tài chính. Những kiến thức này không chỉ áp dụng được cho việc đầu tư vào tài sản tài chính mà còn có thể vận dụng được trong quản lý danh mục tín dụng của ngân hàng thương mại, đầu tư vào tài sản thực....

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các phòng thực hành và các hệ thống thiết bị quan trọng

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh được quy hoạch xây dựng trên một khu đất có diện tích 21,47 ha, đến thời điểm hiện tại tổng diện tích đất đai của trường mới được 4,0 ha.¹ Mặc dù trong những năm đầu thành lập, Nhà trường gặp nhiều khó khăn và thiếu thốn về cơ sở vật chất, nhưng với hơn 10 năm nỗ lực phấn đấu không ngừng, Nhà trường đã đạt được nhiều tiến bộ, cơ sở vật chất được xây dựng khang trang và ổn định nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên và học viên, nâng cao chất lượng đào tạo.

- **Giảng đường:** Tháng 9/2017, công trình nhà giảng đường đơn nguyên 2 – GK2 đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng, nâng tổng số phòng học của Nhà trường lên 49 phòng học với tổng diện tích xây dựng là 13.748 m². Bên cạnh đó, Nhà trường đã trang bị

¹ Thông báo công khai cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học 2017-2018, truy cập tại <http://tueba.edu.vn/Content/TUEBA/Files/vanban/th%C3%B4ng%20b%C3%A1o%20c%C3%B4ng%20khai%20c%C6%A1%20s%E1%BB%9F%20v%E1%BA%ADt%20ch%E1%BA%A5t.pdf>

04 phòng học máy tính (100% được nối mạng Internet), 02 phòng học ngoại ngữ với đầy đủ thiết bị, hệ thống âm trang, máy chiếu nhằm đáp ứng không chỉ yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của ngành đào tạo, mà còn đảm bảo cho việc giảng dạy khi mở ngành mới.

Bảng 10.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học*	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Ghi chú
1	Giảng đường	49	13.748	Máy chiếu	86	Tất cả các học phần	
				Hệ thống âm thanh	20	Tất cả các học phần	
				Bộ phát không dây	17	Tất cả các học phần	
2	Phòng học máy tính	04	303	-	-	-	
3	Phòng học ngoại ngữ	02	162	-	-	-	

Ghi chú: * Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính, ...

10.2. Thư viện, trang Web

- **Thư viện:** Thư viện của trường có phòng tra cứu thông tin, có phần mềm và các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu: sách, giáo trình, bài giảng của các học phần/môn học, các tài liệu liên quan, có tạp chí trong và ngoài nước được xuất bản những năm trở lại đây đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập các học phần/môn học trong chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành đào tạo. Thư viện của trường có gần 37.000 cuốn sách trong nước, sách dịch và sách nước ngoài, trong đó Mạng lưới Giáo dục Đại học Châu Á (ANHE) tài trợ một thư viện sách với gần 1000 đầu sách, giáo trình bằng tiếng Anh phục vụ tham khảo tài liệu cho giảng viên và sinh viên. Các loại sách và tạp chí được bổ sung hàng tháng, hàng năm.

Ngoài nguồn học liệu ở thư viện của trường, học viên và giảng viên, các nhà nghiên cứu còn sử dụng nguồn học liệu phong phú từ Trung tâm học liệu của Đại học Thái Nguyên. Tính đến tháng 10/2016, Trung tâm học liệu của Đại học Thái nguyên có 1.758 đầu sách giáo trình, với 20.191 cuốn thuộc các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Hàng năm, Trung tâm Học liệu – ĐHTN thống kê số lượng độc giả của Nhà trường truy cập và sử dụng thư viện điện tử, bình quân lượt độc giả sử dụng tài liệu in 32.000 lượt, tài liệu điện tử 3.600 lượt.

Bảng 10.2. Thư viện

TT	Thư viện	Diện tích thư viện (m ²)	Diện tích phòng đọc (m ²)	Số chỗ ngồi	Số lượng máy tính tra cứu	Số đầu sách (GT, TK)/số bản	Phần mềm quản lý thư viện
----	----------	--------------------------------------	---------------------------------------	-------------	---------------------------	-----------------------------	---------------------------

1	Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên	10.000	-	-	400	-	-
2	Thư viện Trường	343	-	44	01	40.234	-
3	Thư viện khoa/ bộ môn (đơn vị chuyên môn được giao nhiệm vụ mở ngành)	-	-	-	-	-	-
4	Thư viện điện tử của Nhà trường	x	x	x	-	40.234	-

Nguồn: Trung tâm thông tin thư viện, 2017

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

12. Đề cương chi tiết các học phần (Phụ lục D)

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

Phụ lục B: Báo cáo về các nội dung đối sánh

1. Nội dung báo cáo đối sánh CĐR của CTĐT

TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD
KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh CĐR của CTĐT do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: CĐR của các CTĐT tương tự do các CSĐT có uy tín trong và ngoài nước ban hành, Ý kiến của Nhà sử dụng lao động, Cựu sinh viên. Từ đó làm căn cứ để điều chỉnh các CĐR của CTĐT hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung

2.1. Đối sánh bên ngoài: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT với CĐR các CTĐT trong và ngoài nước (nếu có).

CĐR CTĐT Kinh tế đầu tư – TUEBA	CĐR CTĐT Kinh tế Đầu tư - ĐH KTQD Hà Nội	Ghi chú
1.1	-	
1.2	X – 80%	
1.3	X – 80%	
1.4	X – 90%	
1.5	X – 90%	
2.1	X – 40%	
2.2	-	
2.3	-	
2.4	X – 50%	
2.5	X – 80%	
3.1	X – 90%	
3.2	X – 90%	
3.3	X – 80%	
3.4	X – 50%	
3.5	X – 90%	

2.2. Đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra CTĐT với các ý kiến đóng góp của các bên liên quan (Nhà tuyển dụng, Giảng viên, Chuyên gia giáo dục, Cơ quan chủ quản, Tổ chức xã hội, Cựu sinh viên và Sinh viên).

MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

CĐR CTĐT Kinh tế đầu tư – TUEBA	Ý kiến NSD lao động	Ý kiến CSV	Ghi chú
1.1	X – 80%	X – 80%	
1.2	X – 80%	X – 90%	
1.3	X – 90%	X – 90%	
1.4	X – 80%	X – 90%	
1.5	X – 80%	X – 90%	
2.1	X – 80%	X – 80%	
2.2	X – 80%	X – 80%	
2.3	X – 80%	X – 80%	
2.4	X – 80%	X – 90%	
2.5	X – 80%	X – 80%	
3.1	X – 80%	X – 80%	
3.2	X – 90%	X – 90%	
3.3	X – 80%	X – 80%	
3.4	X – 80%	X – 80%	
3.5	X – 80%	X – 80%	

3. Đánh giá chung

Về cơ bản CĐR CTĐT Kinh tế đầu tư được xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành và sát với nhu cầu của thị trường lao động.

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

2. Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT Kinh tế Đầu tư

TRƯỜNG ĐH KINH TẾ & QTKD
KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO **NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh CTĐT do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: Các CTĐT tương tự do các CSĐT có uy tín trong nước ban hành, từ đó làm căn cứ để điều chỉnh CTĐT hiện có đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung

2.1. Nội dung đối sánh bên ngoài (Đối sánh và tham chiếu khung CTĐT với các khung CTĐT trong nước)

Không thực hiện đối sánh

2.2. Nội dung đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu khung CTĐT với các ý kiến đóng góp của các bên liên quan

TT	Mã MH	Môn học	Số TC	Số tín chỉ của các môn học tương ứng có trong CTĐT tham khảo (TC)	
				CTĐT theo ý kiến đóng góp của người sử dụng LĐ	CTĐT theo ý kiến đóng góp của người cựu sinh viên
<1>		<2>	<3>	<6>	<7>
1	Phần Kiến thức đại cương		33		
1	MLP121	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2	2
2	MLP132	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	2	2
3	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	2
4	VCP131	Đường lối cách mạng Việt Nam	3	2	2
5	LAW121	Pháp luật đại cương	2	3	3
6	ENG121	Tiếng Anh 1	2	3	3
7	ENG122	Tiếng Anh 2	2	3	3

8	ENG123	Tiếng Anh 3	2	3	3
9	ENG124	Tiếng Anh 4	2	3	3
10	ENG125	Tiếng Anh 5	2	3	2
11	ENG126	Tiếng Anh 6	2	2	2
12	MAE131	Toán kinh tế	3	3	3
13	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3	3
14	GIF131	Tin học đại cương	3	3	3
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	3	3
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	3	3
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	8	8
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần		
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1	Kiến thức cơ sở của khối ngành		6	48	14
19	MIE231	Kinh tế vi mô 1	3	3	3
20	MAE231	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	3
2.2	Kiến thức cơ sở ngành		24		
2.2.1	Bắt buộc		21		
21	MAN231	Quản trị học (căn bản)	3	3	3
22	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1	3	3	3
23	PSE231	Nguyên lý thống kê	3	2	3
24	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	3	2
25	GEM231	Marketing căn bản	3	3	3
26	ELA231	Luật Kinh tế (căn bản)	3	3	3
27	ECO231	Kinh tế lượng	3	3	3
2.2.2	Tự chọn		3		
28	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	3	3
29	EAH231	Môi trường và con người	3	3	3
30	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	3
31	VGE231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	3	3
32	SME231	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	3	3

2.3	Kiến thức cơ sở ngành chính		24		
2.3.1	<i>Bắt buộc</i>		18		
33	MIE332	Kinh tế Vi mô 2	3	3	3
34	MAE332	Kinh tế Vĩ mô 2	3	3	3
35	ENC331	Kinh tế Môi trường	3	3	3
36	ILA331	Luật Đầu tư	3	3	3
37	IEC331	Kinh tế Đầu tư 1	3	5	3
38	DEC331	Kinh tế Phát triển 1	3	3	3
2.3.2	<i>Tự chọn</i>		6		
39	PEC331	Kinh tế Công cộng	3	3	3
40	ERP331	Kinh tế và Chính sách phát triển vùng	3		3
41	ISE331	Kinh tế Bảo hiểm	3		3
42	BUA331	Kế toán Doanh nghiệp			
43	ECS331	Thống kê Kinh tế	3	3	3
2.4	Kiến thức chuyên ngành		27		
2.4.1	<i>Bắt buộc</i>		21		
44	INI331	Đầu tư Quốc tế	3	3	3
45	PPA331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	3	3
46	IEC332	Kinh tế Đầu tư 2	3	3	3
47	CAM331	Thị trường vốn đầu tư	3	3	3
48	PRM331	Quản lý dự án đầu tư	3	3	3
49	BID331	Đấu thầu trong đầu tư	3	3	3
50	IPA331	Thẩm định dự án đầu tư	3	3	3
2.4.2	<i>Tự chọn</i>		6		
51	BCA331	Phân tích lợi ích - chi phí	3	3	2
52	SIC331	Thống kê đầu tư XD CB	3	3	2
53	DPA331	Phân tích chính sách phát triển	3	3	3
54	ERF331	Nghiên cứu và dự báo kinh tế	3	3	3
55	SEF331	Dự báo phát triển KTXH	3	3	3
56	SDP331	Kế hoạch hóa phát triển KT-XH	3	3	3
2.4	DEC421	Thực tập môn học	2		

3	Khóa luận tốt nghiệp		10		
3.1	GRI441	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	4	4	4
3.2	THW964	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	6	6
	<i>Các học phần tự chọn thay thế khóa luận</i>		6		
57	IRM331	Quản lý rủi ro trong đầu tư	3		4
58	PUI331	Đầu tư công	3	3	3
59	FII331	Đầu tư tài chính	3	3	3
	Tổng toàn khóa (1+2.1+2.2+2.3+2.4+3)		126		

3. Đánh giá chung

Chương trình đào tạo Kinh tế Đầu tư của trường Đại học kinh tế và Quản trị Kinh doanh có tổng số tín chỉ của chương trình là 126 TC, trong đó có 33TC là phần kiến thức đại cương, 93 TC là kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó có 10TC khóa luận tốt nghiệp. Nhìn chung, chương trình đào tạo Kinh tế Đầu tư của Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh có số lượng tín chỉ vừa phải. Trong đó số lượng học phần tự chọn là khá nhiều. Điều đó cho thấy Nhà trường đề cao tính tự chủ trong học tập của sinh viên. Sinh viên có thể lựa chọn những môn học phù hợp với định hướng học tập của mình hơn. Tuy nhiên, Nhà trường cần phải thực hiện tốt trong việc định hướng cho sinh viên tự chọn môn học một cách đúng đắn nhất, đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra và định hướng nghề nghiệp cũng như vị trí việc làm mà sinh viên mong muốn trong tương lai.

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

3. Nội dung báo cáo đối sánh của học phần

DANH MỤC ĐỐI SÁNH CÁC HỌC PHẦN

Chương trình đào tạo: Kinh tế Đầu tư

STT	Tên học phần	STT	Tên học phần
1.	Đầu tư công	9.	Môi trường và con người
2.	Đầu tư quốc tế	10.	Môi trường và phát triển bền vững
3.	Đầu tư tài chính	11.	Phân tích lợi ích - chi phí
4.	Đấu thầu trong đầu tư	12.	Quản lý dự án đầu tư
5.	Kinh tế Đầu tư 1	13.	Quản lý rủi ro trong đầu tư
6.	Kinh tế Đầu tư 2	14.	Thẩm định dự án đầu tư
7.	Kinh tế Môi trường	15.	Thị trường vốn đầu tư
8.	Lập và phân tích dự án đầu tư		

1. Học phần Đầu tư công

**KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần: Đầu tư công đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Đầu tư công được xây dựng và sử dụng từ năm 2016, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần Đầu tư công sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần: Đầu tư công

STT	Nội dung	HP: A xây dựng năm 2016	HP: A năm 2018	Ghi chú
1	Tên học phần	Đầu tư công	Đầu tư công	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập học phần			
	Học phần tiên quyết	Không	Không	
	Học phần học trước	Kinh tế đầu tư 1; Kinh tế đầu tư 2	Kinh tế đầu tư 1; Kinh tế đầu tư 2	
	Khác	Không	Không	
4	Mục tiêu học phần	Người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về đầu tư công. Đánh giá được kết quả và hiệu quả đầu tư công đem lại. Hiểu rõ hơn quyết định đầu tư vào các dự án đầu tư công	Người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về đầu tư công. Đánh giá được kết quả và hiệu quả đầu tư công đem lại. Hiểu rõ hơn quyết định đầu tư vào các dự án đầu tư công	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
5.1	Mô tả chuẩn đầu ra	Về kiến thức: - Hiểu biết được những vấn đề về đầu tư công, bản chất của đầu tư công; - Hiểu rõ vai trò và đặc điểm của đầu tư công đối với nền kinh tế; - Hiểu biết về các chương trình, các dự án và mục tiêu của đầu tư công; - Đánh giá được kết quả và hiệu quả đầu tư công đem lại; - Hiểu rõ hơn quyết định đầu tư các dự án đầu tư công. Về kỹ năng: - Đánh giá được tình hình đầu tư công; - Phân tích và đánh giá được mối liên hệ giữa đầu tư công và nợ công để đưa ra được các giải pháp thích hợp; - Phát triển kỹ năng nghiên cứu và thuyết trình các vấn đề trong lĩnh vực đầu tư nói chung và hoạt động đầu tư công nói riêng. Về thái độ: - Có tinh thần học hỏi, năng động trong tiếp nhận và giải quyết các vấn đề kinh tế; - Nâng cao khả năng phân tích đánh giá về hoạt động đầu tư công; - Chủ động tìm hiểu và	Về kiến thức: - Hiểu biết được những vấn đề về đầu tư công, bản chất của đầu tư công; - Hiểu rõ vai trò và đặc điểm của đầu tư công đối với nền kinh tế; - Hiểu biết về các chương trình, các dự án và mục tiêu của đầu tư công; - Đánh giá được kết quả và hiệu quả đầu tư công đem lại; - Hiểu rõ hơn quyết định đầu tư các dự án đầu tư công. Về kỹ năng: - Đánh giá được tình hình đầu tư công; - Phân tích và đánh giá được mối liên hệ giữa đầu tư công và nợ công để đưa ra được các giải pháp thích hợp; - Phát triển kỹ năng nghiên cứu và thuyết trình các vấn đề trong lĩnh vực đầu tư nói chung và hoạt động đầu tư công nói riêng. Về thái độ: - Có tinh thần học hỏi, năng động trong tiếp nhận và giải quyết các vấn đề kinh tế; - Nâng cao khả năng phân tích đánh giá về hoạt động đầu tư công; - Chủ động tìm hiểu và	

3. Đánh giá chung

Học phần Đầu tư công theo CDIO năm 2020 đã có những nội dung sửa đổi, bổ sung và chi tiết hơn so với đề cương được xây dựng năm 2018.

TRƯỜNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

2. Học phần Đầu tư quốc tế

**KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần: Đầu tư quốc tế đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: 136/QĐ-ĐHKT&QTKD ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Đầu tư quốc tế được xây dựng và sử dụng từ năm 2016, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần Đầu tư quốc tế sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần: Đầu tư quốc tế

STT	Nội dung	HP: Đầu tư quốc tế xây dựng năm 2016	HP: Đầu tư quốc tế năm 2018	Ghi chú
1	Tên môn học	Đầu tư quốc tế	Đầu tư quốc tế	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập học phần Học phần tiên quyết: Học phần học trước: Học phần song hành:	Không Không Không	Không Không Không	
4	Mục tiêu học phần	Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về đầu tư quốc tế; phân tích các lý thuyết đầu tư quốc tế, các hình thức đầu tư quốc tế, các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế (môi trường đầu tư ở nước đi đầu tư, nước nhận đầu tư và môi trường đầu tư quốc tế), các chính sách, biện pháp thu hút và thúc đẩy đầu tư quốc tế, hoạt động chuyển giá trong đầu tư quốc tế, mua lại và sáp nhập trong đầu tư quốc tế. Trên cơ sở các phân tích lý thuyết môn học sẽ cung cấp những kiến thức thực tiễn về đầu tư quốc tế trên thế giới và ở Việt Nam, tiếp cận các giải pháp đối với đầu tư quốc tế.	Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về đầu tư quốc tế; phân tích các lý thuyết đầu tư quốc tế, các hình thức đầu tư quốc tế, các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư quốc tế (môi trường đầu tư ở nước đi đầu tư, nước nhận đầu tư và môi trường đầu tư quốc tế), các chính sách, biện pháp thu hút và thúc đẩy đầu tư quốc tế, hoạt động chuyển giá trong đầu tư quốc tế, mua lại và sáp nhập trong đầu tư quốc tế. Trên cơ sở các phân tích lý thuyết môn học sẽ cung cấp những kiến thức thực tiễn về đầu tư quốc tế trên thế giới và ở Việt Nam, tiếp cận các giải pháp đối với đầu tư quốc tế.	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
5.1	Mô tả chuẩn đầu ra	- Về kiến thức + Nắm bắt được lý luận cơ bản, tầm quan trọng của hoạt động đầu tư quốc tế. + Hiểu, vận dụng và có thể đề xuất một số chính sách và biện pháp để thu hút đầu tư quốc tế tại Việt Nam. + Đánh giá được những thời cơ, thuận lợi cũng như những khó khăn, thách thức trong hoạt động thu hút đầu tư quốc tế tại Việt Nam. + Hiểu, vận dụng và có thể đề xuất một số biện pháp chống hoạt động chuyển giá ở Việt Nam. + Vận dụng được các kiến thức đã học của học phần để trợ giúp việc ra quyết định quản lý có liên quan đến hoạt động đầu tư quốc tế. - Về kỹ năng + Kỹ năng nghề nghiệp: có kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin kinh tế; có kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập; có kỹ năng nghiên cứu và thuyết trình các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế nói chung và đầu tư quốc tế nói riêng.	- Về kiến thức + Nắm bắt được lý luận cơ bản, tầm quan trọng của hoạt động đầu tư quốc tế. + Hiểu, vận dụng và có thể đề xuất một số chính sách và biện pháp để thu hút đầu tư quốc tế tại Việt Nam. + Đánh giá được những thời cơ, thuận lợi cũng như những khó khăn, thách thức trong hoạt động thu hút đầu tư quốc tế tại Việt Nam. + Hiểu, vận dụng và có thể đề xuất một số biện pháp chống hoạt động chuyển giá ở Việt Nam. + Vận dụng được các kiến thức đã học của học phần để trợ giúp việc ra quyết định quản lý có liên quan đến hoạt động đầu tư quốc tế. - Về kỹ năng + Kỹ năng nghề nghiệp: có kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin kinh tế; có kỹ năng làm việc nhóm và năng lực giải quyết vấn đề độc lập; có kỹ năng nghiên cứu và thuyết trình các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế nói chung và đầu tư quốc tế nói riêng.	

3. Đánh giá chung

Học phần đầu tư quốc tế theo năm 2018 chưa có những nội dung sửa đổi, bổ sung và chi tiết hơn so với đề cương được xây dựng năm 2016.

TRƯỜNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

3. Học phần Đầu tư tài chính

**KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần: Đầu tư tài chính đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-DHKT&QTKD ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Đầu tư tài chính được xây dựng và sử dụng từ năm 2016, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần: Đầu tư tài chính sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần Đầu tư tài chính

STT	Nội dung	HP: Đầu tư tài chính xây dựng năm 2016	HP: Đầu tư tài chính năm 2018	Ghi chú
1	Tên môn học	Đầu tư tài chính	Đầu tư tài chính	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập học phần			
	Các học phần tiên quyết	Không	Không	
	Học phần học trước	Không	Không	
	Học phần song hành	Không	Không	
4	Mục tiêu học phần	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về cung cấp một cách có hệ thống các vấn đề lý thuyết cơ bản về đầu tư tài chính và các ứng dụng thực tiễn theo một quy trình đầu tư từ phân tích và lựa chọn tài sản đầu tư đến định giá tài sản đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư và quản lý danh mục đầu tư tài chính.	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về cung cấp một cách có hệ thống các vấn đề lý thuyết cơ bản về đầu tư tài chính và các ứng dụng thực tiễn theo một quy trình đầu tư từ phân tích và lựa chọn tài sản đầu tư đến định giá tài sản đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư và quản lý danh mục đầu tư tài chính.	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
		* Về kiến thức - Ứng dụng các kiến thức về kinh tế để hiểu về nội dung về các hình thức đầu tư, các mô hình kinh tế, các hình thức đầu tư tài chính. - Phân tích được các vấn đề về các hoạt động đầu tư tài chính trên thị trường. - So sánh, đánh giá được khả năng sinh lời, rủi ro của hoạt động đầu tư tài chính. - So sánh mức hiệu quả đầu tư tài chính giữa các doanh nghiệp trong cùng khối ngành kinh doanh	* Về kiến thức - Ứng dụng các kiến thức về kinh tế để hiểu về nội dung về các hình thức đầu tư, các mô hình kinh tế, các hình thức đầu tư tài chính. - Phân tích được các vấn đề về các hoạt động đầu tư tài chính trên thị trường. - So sánh, đánh giá được khả năng sinh lời, rủi ro của hoạt động đầu tư tài chính. - So sánh mức hiệu quả đầu tư tài chính giữa các doanh nghiệp trong cùng khối ngành kinh doanh	

3. Đánh giá chung

Học phần đầu tư tài chính năm 2018 chưa có những nội dung sửa đổi, bổ sung và chi tiết hơn so với đề cương được xây dựng năm 2016.

TRƯỜNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

4. Học phần Đấu thầu trong đầu tư

**KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN ĐẤU THẦU TRONG ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần Đấu thầu trong đầu tư đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần đấu thầu trong đầu tư được xây dựng và sử dụng từ năm 2016, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần đấu thầu trong đầu tư sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần Đấu thầu trong đầu tư

STT	Nội dung	HP: Đấu thầu trong đầu tư xây dựng năm 2016	HP: Đấu thầu trong đầu tư xây dựng năm 2018	Ghi chú
1	Tên HP	Đấu thầu trong đầu tư	Đấu thầu trong đầu tư	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập HP	HP tiên quyết: Không có HP học trước: Lập và phân tích dự án đầu tư Khác: Không có	HP tiên quyết: Không có HP học trước: Lập và phân tích dự án đầu tư Khác: Không có	
4	Mục tiêu học phần	Môn học Đấu thầu trong đầu tư giúp cho sinh viên luận giải có cơ sở khoa học của sự cần thiết phải thực hiện hoạt động đấu thầu, làm rõ cơ sở khoa học cho việc lập kế hoạch đấu thầu cho một dự án đầu tư cũng như quy trình cần thiết thực hiện hoạt động đấu thầu cho một gói thầu, làm rõ phương pháp luận cho việc soạn thảo Hồ sơ mời thầu và phương pháp đánh giá Hồ sơ dự thầu từ góc độ chủ đầu tư mà đại diện là bên mời thầu, đồng thời vận dụng các vấn đề lý luận về đấu thầu vào thực tiễn ở Việt Nam.	Môn học Đấu thầu trong đầu tư giúp cho sinh viên luận giải có cơ sở khoa học của sự cần thiết phải thực hiện hoạt động đấu thầu, nắm được các bước trng việc lập kế hoạch đấu thầu cho một dự án đầu tư cũng như quy trình cần thiết thực hiện hoạt động đấu thầu cho một gói thầu, làm rõ phương pháp luận cho việc soạn thảo Hồ sơ mời thầu và phương pháp đánh giá Hồ sơ dự thầu từ góc độ chủ đầu tư mà đại diện là bên mời thầu, đồng thời vận dụng các vấn đề lý luận về giải quyết tình huống đấu thầu vào thực tiễn ở Việt Nam.	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
		<i>Về kiến thức</i> + Nhận diện được khái niệm, bản chất, vai trò và các nguyên tắc đấu thầu + Nhận diện được khái niệm, phân loại của gói thầu. + Luận giải được bản chất của các hình thức lựa chọn nhà thầu, bản chất của các phương thức thực hiện đấu thầu. + Mô tả và thiết lập các bước lập kế hoạch đấu thầu cho một		

		- Kiểm tra giữa học phần (20%) + Tiết thứ 17- 43; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - Thi kết thúc học phần (50%) + Thời gian: Cuối học kỳ; + Hình thức kiểm tra: vấn đáp + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình cá nhân	- Kiểm tra giữa học phần (20%) + Tiết thứ 17 - 43; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - Thi kết thúc học phần (50%) + Thời gian: Cuối học kỳ; + Hình thức kiểm tra: vấn đáp + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình cá nhân	
7.2	Đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá			

3. Đánh giá chung

Học phần đầu thầu trong đầu tư năm 2018 chưa có những nội dung sửa đổi, bổ sung và chi tiết hơn so với đề cương được xây dựng năm 2016.

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

5. Kinh tế đầu tư 1

KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ 1

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần: Kinh tế đầu tư 1 đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Kinh tế đầu tư học phần 1 được xây dựng và sử dụng từ năm 2016, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần: Kinh tế đầu tư 1 sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần: Kinh tế đầu tư 1

STT	Nội dung	HP: Kinh tế đầu tư 1 xây dựng năm 2016	HP: Kinh tế đầu tư 1 xây dựng năm 2018	Ghi chú
1	Tên môn học	Kinh tế đầu tư 1	Kinh tế đầu tư 1	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập học phần	Học phần tiên quyết : Không có Học phần học trước : Kinh tế vĩ mô 1, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế phát triển Khác: Không có	Học phần tiên quyết : Không có Học phần học trước : Kinh tế vĩ mô 1, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế phát triển Khác: Không có	
4	Mục tiêu học phần	Môn học Kinh tế Đầu tư là một môn khoa học kinh tế thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế trong lĩnh vực hoạt động đầu tư phát triển. Môn học Kinh tế Đầu tư – học phần I sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển. Đó là những vấn đề lý luận chung về đầu tư như khái niệm và bản chất của đầu tư nói chung và đầu tư phát triển nói riêng; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư, xem xét các nội dung của vốn đầu tư và phân loại các hoạt động đầu tư nhằm đáp ứng các yêu cầu của quản lý và nghiên cứu kinh tế. Đồng thời, môn học cũng xem xét tới các nhân tố ảnh hưởng tới chi tiêu đầu tư và các nội dung đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.	Môn học Kinh tế Đầu tư là một môn khoa học kinh tế thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế trong lĩnh vực hoạt động đầu tư phát triển. Môn học Kinh tế Đầu tư – học phần I sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển. Đó là những vấn đề lý luận chung về đầu tư như khái niệm và bản chất của đầu tư nói chung và đầu tư phát triển nói riêng; vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư, xem xét các nội dung của vốn đầu tư và phân loại các hoạt động đầu tư nhằm đáp ứng các yêu cầu của quản lý và nghiên cứu kinh tế. Đồng thời, môn học cũng xem xét tới các nhân tố ảnh hưởng tới chi tiêu đầu tư và các nội dung đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.	
5	Chuẩn đầu ra của học phần	57		
			* Mục tiêu và kiến thức :	

3. Đánh giá chung

Học phần kinh tế đầu tư 1 theo năm 2018 chưa có những nội dung sửa đổi, bổ sung và chi tiết hơn so với đề cương được xây dựng năm 2016.

TRƯỜNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

6. Học phần Kinh tế đầu tư 2

**KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ 2

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần: Kinh tế đầu tư đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số:/QĐ-ĐHKT&QTKD ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Kinh tế đầu tư được xây dựng và sử dụng từ năm 2016, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần: Kinh tế đầu tư sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần: Kinh tế đầu tư

STT	Nội dung	HP: Kinh tế đầu tư 2 xây dựng năm 2016	HP: Kinh tế đầu tư 2 năm 2018	Ghi chú
1	Tên môn học	Kinh tế đầu tư II	Kinh tế đầu tư	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập học phần	Học phần tiên quyết : Không có Học phần học trước : Kinh tế đầu tư – học phần 1 Khác: Không có	Học phần tiên quyết : Không có Học phần học trước : Kinh tế đầu tư 1 Khác: Không có	
4	Mục tiêu học phần	Kinh tế Đầu tư là một học phần bắt buộc cho sinh viên chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Học phần này có mục tiêu trang bị đầy đủ những kiến thức về mặt lý thuyết và thực tế liên quan đến lĩnh vực đầu tư cho sinh viên. Học phần II của môn học Kinh tế Đầu tư sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguyên tắc tổ chức quản lý hoạt động đầu tư, công tác kế hoạch hóa đầu tư, những tiêu chí đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư trên góc độ vĩ mô và vi mô, giúp sinh viên hiểu và có thể đề xuất một số giải pháp quản lý đầu tư phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư nói chung.	Kinh tế Đầu tư là một học phần bắt buộc cho sinh viên chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Học phần này có mục tiêu trang bị đầy đủ những kiến thức về mặt lý thuyết và thực tế liên quan đến lĩnh vực đầu tư cho sinh viên. Học phần II của môn học Kinh tế Đầu tư sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguyên tắc tổ chức quản lý hoạt động đầu tư, công tác kế hoạch hóa đầu tư, những tiêu chí đánh giá kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư trên góc độ vĩ mô và vi mô, giúp sinh viên hiểu và có thể đề xuất một số giải pháp quản lý đầu tư phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư nói chung.	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
		Về kiến thức - Ứng dụng các kiến thức về kinh tế để hiểu về nội dung về các hình thức đầu tư, các mô hình kinh tế, quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư. - Phân tích được các vấn đề về quản lý nhà nước đối với	Về kiến thức - Ứng dụng các kiến thức về kinh tế để hiểu về nội dung về các hình thức đầu tư, các mô hình kinh tế, quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư. - Phân tích được các vấn đề về	

3. Đánh giá chung

Học phần Kinh tế đầu tư 2 năm 2018 chưa có những nội dung sửa đổi, bổ sung và chi tiết hơn so với đề cương được xây dựng năm 2016:

TRƯỜNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

7. Học phần Kinh tế môi trường

**KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN KINH TẾ MÔI TRƯỜNG

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần: Kinh tế môi trường đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Kinh tế môi trường được xây dựng và sử dụng từ năm 2018, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần Kinh tế môi trường sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần: Kinh tế môi trường

STT	Nội dung	HP: Kinh tế môi trường xây dựng năm 2016	HP: Kinh tế môi trường xây dựng năm 18	Ghi chú
1	Tên HP	Kinh tế môi trường	Kinh tế môi trường	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập HP	HP tiên quyết: Không có HP học trước: KTH vi mô 1 Khác: Không có	HP tiên quyết: Không có HP học trước: KTH vi mô 1 Khác: Không có	
4	Mục tiêu học phần	Học phần kinh tế môi trường nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về kinh tế tài nguyên và môi trường tự nhiên. Kinh tế môi trường nghiên cứu nguyên nhân kinh tế, đánh giá thiệt hại kinh tế của các vấn đề môi trường và phân tích khía cạnh kinh tế của các công cụ chính sách quản lý môi trường. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ tương tác qua lại và phụ thuộc lẫn nhau giữa hệ thống kinh tế và môi trường tự nhiên, từ đó tiếp cận quan điểm phát triển bền vững. Kinh tế môi trường giới thiệu các phương pháp đánh giá giá trị môi trường, cung cấp phương pháp khai thác và sử dụng hiệu quả TNTN	Học phần kinh tế môi trường nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về kinh tế tài nguyên và môi trường tự nhiên. Kinh tế môi trường nghiên cứu nguyên nhân kinh tế, đánh giá thiệt hại kinh tế của các vấn đề môi trường và phân tích khía cạnh kinh tế của các công cụ chính sách quản lý môi trường. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ tương tác qua lại và phụ thuộc lẫn nhau giữa hệ thống kinh tế và môi trường tự nhiên, từ đó tiếp cận quan điểm phát triển bền vững. Kinh tế môi trường giới thiệu các phương pháp đánh giá giá trị môi trường, cung cấp phương pháp khai thác và sử dụng hiệu quả TNTN	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
		- Về kiến thức + Hiểu và vận dụng được mối liên hệ giữa hoạt động kinh tế, các vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên; + Hiểu được các nguyên nhân kinh tế dẫn đến ô nhiễm và suy thoái môi trường; 63 + Hiểu và vận dụng các công cụ quản lý có thể được áp dụng để	- Về kiến thức + Hiểu và vận dụng được mối liên hệ giữa hoạt động kinh tế, các vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên; + Hiểu được các nguyên nhân kinh tế dẫn đến ô nhiễm và suy thoái môi trường; + Hiểu và vận dụng các công cụ quản lý có thể được áp dụng để quản lý tài nguyên môi	

3. Đánh giá chung

		+ Phương pháp đánh giá: Thuyết trình cá nhân	+ Thời gian: Cuối học kỳ; + Hình thức kiểm tra: vấn đáp + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình cá nhân	
7.2	Đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá			

Học phần Kinh tế môi trường theo năm 2018 chưa có nội dung sửa đổi, bổ sung so với đề cương được xây dựng năm 2016

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

8. Học phần Lập và Phân tích dự án đầu tư

**KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN LẬP VÀ PHÂN TÍCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần: Lập và phân tích dự án đầu tư đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Lập và phân tích dự án đầu tư được xây dựng và sử dụng từ năm 2018, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần Lập và phân tích dự án đầu tư sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần: Lập và phân tích dự án đầu tư

STT	Nội dung	HP: Lập và phân tích dự án đầu tư xây dựng năm 2016	HP: Lập và phân tích dự án đầu tư theo năm 2018	Ghi chú
1	Tên HP	Lập và phân tích dự án đầu tư	Lập và phân tích dự án đầu tư	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập HP	HP tiên quyết: Không có HP học trước: KTH vi mô 1, KTH vĩ mô 1 Khác: Không có	HP tiên quyết: Không có HP học trước: KTH vi mô 1, KTH vĩ mô 1 Khác: Không có	
4	Mục tiêu học phần	Môn Lập và phân tích dự án đầu tư trang bị cho sinh bản về lập và phân tích dự án đầu tư như trình tự, nội dung nghiên cứu và công tác tổ chức soạn thảo, lập dự án đầu tư, nội dung, phương pháp phân tích các khía cạnh của dự án đầu tư, phân tích khía cạnh tài chính, nguồn nhân lực..., vận dụng để phân tích các khía cạnh của dự án đầu tư nhằm cung cấp thông tin cho việc ra quyết định đầu tư hay không	Môn Lập và phân tích dự án đầu tư trang bị cho sinh bản về lập và phân tích dự án đầu tư như trình tự, nội dung nghiên cứu và công tác tổ chức soạn thảo, lập dự án đầu tư, nội dung, phương pháp phân tích các khía cạnh của dự án đầu tư, phân tích khía cạnh tài chính, nguồn nhân lực..., vận dụng để phân tích các khía cạnh của dự án đầu tư nhằm cung cấp thông tin cho việc ra quyết định đầu tư hay không	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
		➤ Về kiến thức - Nhận diện những vấn đề lý luận chung về đầu tư phát triển về dự án đầu tư phát triển. - Nhận biết cơ sở khoa học cho việc đầu tư theo dự án. - Nhận biết trình tự , nội dung nghiên cứu và công tác soạn thảo dự án - Nhận biết được cơ sở khoa học và nội dung của phương pháp phân tích, tính toán các chỉ tiêu phản ánh khía cạnh kỹ thuật, thị trường tiêu thụ, hình thức tổ chức quản lý và nhận sự, tài chính, kinh tế xã hội của	➤ Về kiến thức - Nhận diện những vấn đề lý luận chung về đầu tư phát triển về dự án đầu tư phát triển. - Nhận biết cơ sở khoa học cho việc đầu tư theo dự án. - Nhận biết trình tự , nội dung nghiên cứu và công tác soạn thảo dự án - Nhận biết được cơ sở khoa học và nội dung của phương pháp phân tích, tính toán các chỉ tiêu phản ánh khía cạnh kỹ thuật, thị trường tiêu thụ, hình thức tổ chức quản lý và nhận sự, tài chính, kinh tế xã hội của	

			Thuyết trình cá nhân	
7.2	Đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá			

3. Đánh giá chung

Học phần lập và phân tích dự án đầu tư theo năm 2018 chưa có những nội dung sửa đổi, bổ sung và chi tiết hơn so với đề cương được xây dựng năm 2016

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

9. Môi trường và con người

**KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần Môi trường và Con người đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD ngày 18 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Môi trường và Con người được xây dựng và sử dụng từ năm 2018, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần Môi trường và Con người sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần Môi trường và Con người

TT	Nội dung	HP Môi trường và Con người xây dựng năm 2016	HP Môi trường và Con người xây dựng năm 2018	Ghi chú
1	Tên môn học	Môi trường và Con người	Môi trường và Con người	
2	Số tín chỉ	02	02	
3	Điều kiện tham gia học tập học phần			
	Học phần tiên quyết:	Không	Không	
	Học phần học trước:	Không	Không	
	Học phần song hành	Không	Không	
4	Mục tiêu học phần	Môn môi trường và con người được xây dựng nhằm giúp cho người học có thể hiểu được mối quan hệ giữa con người và môi trường. Môi trường và con người đưa đến những lý thuyết để giúp cho con người hiểu được mối liên hệ này. Từ việc phân tích những lý	Môn môi trường và con người được xây dựng nhằm giúp cho người học có thể hiểu được mối quan hệ giữa con người và môi trường. Môi trường và con người đưa đến những lý thuyết để giúp cho con người hiểu được mối liên hệ này. Từ việc phân tích những lý thuyết về sinh thái học,	

		thuyết về sinh thái học, mối tương quan giữa con người và tự nhiên có thể giúp cho người học hiểu rõ hơn tầm quan trọng của môi trường. Bằng các kiến thức về khoa học môi trường, môn học cung cấp những vấn đề nền tảng của môi trường hiện nay trong mối quan hệ tác động qua lại với con người. Từ đó, người học ngoài việc vận dụng các kiến thức đã học nhằm cải thiện môi trường còn có khả năng tham gia vào ứng phó với các vấn đề tiêu cực đang tồn tại của môi trường toàn cầu	mối tương quan giữa con người và tự nhiên có thể giúp cho người học hiểu rõ hơn tầm quan trọng của môi trường. Bằng các kiến thức về khoa học môi trường, môn học cung cấp những vấn đề nền tảng của môi trường hiện nay trong mối quan hệ tác động qua lại với con người. Từ đó, người học ngoài việc vận dụng các kiến thức đã học nhằm cải thiện môi trường còn có khả năng tham gia vào ứng phó với các vấn đề tiêu cực đang tồn tại của môi trường toàn cầu	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
5.1	Mô tả chuẩn đầu ra	- Về kiến thức: + Người học được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về sinh thái học và khoa học môi trường. + Người học ứng dụng được các kiến thức cơ bản của môn học vào phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn của môi trường; + Hiểu và vận dụng các nguyên lý cơ bản trong khoa học môi trường nhằm trợ giúp việc giải quyết các vấn đề môi trường hiện nay. - Về kỹ năng: + Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề về môi	- Về kiến thức: + Người học được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về sinh thái học và khoa học môi trường. + Người học ứng dụng được các kiến thức cơ bản của môn học vào phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn của môi trường; + Hiểu và vận dụng các nguyên lý cơ bản trong khoa học môi trường nhằm trợ giúp việc giải quyết các vấn đề môi trường hiện nay. - Về kỹ năng: + Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề về môi trường, xác định vấn đề	

		trường, xác định vấn đề môi trường ưu tiên trong lĩnh vực kinh tế. + Người học có kỹ năng và khả năng hành động cụ thể vì môi trường, góp phần cùng với chiến lược BVMT & PTBV của nước ta. + Có kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin trong khoa học môi trường và thuyết trình. + Có khả năng trợ giúp việc giải quyết các vấn đề môi trường. - Về thái độ: + Nâng cao nhận thức cho người học về các vấn đề môi trường, từ đó có thể thay đổi thái độ, thói quen theo hướng thân thiện với môi trường.	môi trường ưu tiên trong lĩnh vực kinh tế. + Người học có kỹ năng và khả năng hành động cụ thể vì môi trường, góp phần cùng với chiến lược BVMT & PTBV của nước ta. + Có kỹ năng thu thập, phân tích, xử lý thông tin trong khoa học môi trường và thuyết trình. + Có khả năng trợ giúp việc giải quyết các vấn đề môi trường. - Về thái độ: + Nâng cao nhận thức cho người học về các vấn đề môi trường, từ đó có thể thay đổi thái độ, thói quen theo hướng thân thiện với môi trường.	
5.2	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT			
5.3	Trình độ năng lực			
6.	Nội dung giảng dạy chi tiết			
6.1	Các chương của HP			
	Chương 1	Môi trường và sinh thái	Môi trường và sinh thái	
	Chương 2	Dân số và môi trường	Dân số và môi trường	
	Chương 3	Nhu cầu và hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người	Nhu cầu và hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người	
	Chương 4	Tài nguyên thiên nhiên	Tài nguyên thiên nhiên	
	Chương 5	Ô nhiễm môi trường	Ô nhiễm môi trường	
6.2	CDR đạt được khi kết thúc chương			
6.3	Trình độ năng lực đạt được khi kết thúc chương			
6.4	Phương pháp dạy học của			

	từng chương			
		Lý thuyết và Thảo luận		
		Lý thuyết và Thảo luận		
		Lý thuyết và Thảo luận		
		Lý thuyết và Thảo luận		
		Lý thuyết và Thảo luận		
6.5	Phương pháp đánh giá của từng chương			
	Chương 1:	Kiểm tra quá trình; Thảo luận nhóm		
	Chương 2:	Kiểm tra quá trình; Thảo luận nhóm		
	Chương 3:	Kiểm tra quá trình; Kiểm tra viết		
	Chương 4:	Kiểm tra quá trình; Bài tập cá nhân		
	Chương 5:	Kiểm tra quá trình; Thảo luận nhóm		
7	Đánh giá kết quả học tập			
7.1	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá	- <i>Kiểm tra định kỳ (10%)</i> + Tiết thứ 34; + Hình thức kiểm tra: tự luận; + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - <i>Thảo luận nhóm (10%)</i> + Tiết thứ 5-6; 11-12; 19-20; 35-36; + Hình thức kiểm tra: thảo luận nhóm + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình nhóm - <i>Bài tập cá nhân (10%)</i> + Tiết thứ 27-30 + Hình thức kiểm tra: Bài tập cá nhân + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình cá nhân - <i>Kiểm tra giữa học phần (20%):</i> + Tiết thứ 18; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh	- <i>Kiểm tra định kỳ (10%)</i> + Tiết thứ 34; + Hình thức kiểm tra: tự luận; + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - <i>Thảo luận nhóm (10%)</i> + Tiết thứ 5-6; 11-12; 19-20; 35-36; + Hình thức kiểm tra: thảo luận nhóm + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình nhóm - <i>Bài tập cá nhân (10%)</i> + Tiết thứ 27-30 + Hình thức kiểm tra: Bài tập cá nhân + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình cá nhân - <i>Kiểm tra giữa học phần (20%):</i> + Tiết thứ 18; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh giá:	

		giá: Kiểm tra viết - <i>Thi kết thúc học phần (50%)</i> + Thời gian: Cuối học kỳ; + Hình thức kiểm tra: Vấn đáp + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình cá nhân	Kiểm tra viết - <i>Thi kết thúc học phần (50%)</i> + Thời gian: Cuối học kỳ; + Hình thức kiểm tra: Vấn đáp + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình cá nhân	
7.2	Đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá			

3. Đánh giá chung

Đề cương năm 2018 cụ thể hóa chi tiết kế hoạch kiểm tra đánh giá

TRƯỜNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

10. Môi trường và phát triển bền vững

KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN

MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần Môi trường và phát triển bền vững đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD ngày 18 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Môi trường và phát triển bền vững được xây dựng và sử dụng từ năm 2018, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần Môi trường và phát triển bền vững sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần Môi trường và phát triển bền vững

TT	Nội dung	HP Môi trường và phát triển bền vững xây dựng năm 2016	HP Môi trường và phát triển bền vững xây dựng năm 2018	Ghi chú
1	Tên môn học	Môi trường và phát triển bền vững	Môi trường và phát triển bền vững	
2	Số tín chỉ	02	02	
3	Điều kiện tham gia học tập học phần			
	HP tiên quyết:	Không	Không	
	HP học trước:	Không	Không	
	HP song hành:	Không	Không	
4	Mục tiêu học phần	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan các vấn đề môi trường, các vấn đề về phát triển bền vững;	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan các vấn đề môi trường, các vấn đề về phát triển bền vững; phân tích	

		phân tích mô hình phát triển bền vững (so sánh với mô hình phát triển không bền vững); Các vấn đề môi trường và phát triển bền vững ở hai vùng kinh tế – sinh thái cơ bản là nông thôn và đô thị; Các tiêu chuẩn, tiêu chí và cách thức đo lường mức độ phát triển bền vững ở phạm vi địa phương, quốc gia; Phân tích định hướng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam. Nội dung học phần sẽ bổ sung kiến thức về phát triển bền vững đặt trong mối quan hệ với phát triển kinh tế.	mô hình phát triển bền vững (so sánh với mô hình phát triển không bền vững); Các vấn đề môi trường và phát triển bền vững ở hai vùng kinh tế – sinh thái cơ bản là nông thôn và đô thị; Các tiêu chuẩn, tiêu chí và cách thức đo lường mức độ phát triển bền vững ở phạm vi địa phương, quốc gia; Phân tích định hướng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam. Nội dung học phần sẽ bổ sung kiến thức về phát triển bền vững đặt trong mối quan hệ với phát triển kinh tế.	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
5.1	Mô tả chuẩn đầu ra	- Về kiến thức: + Giải thích được những vấn đề lý luận cơ bản về môi trường và phát triển bền vững, các vấn đề môi trường, phát triển bền vững toàn cầu và ở Việt Nam; + So sánh hai mô hình phát triển là phát triển bền vững và phát triển không bền vững. + Phân tích các vấn đề môi trường và phát triển bền vững ở khu vực nông thôn và thành thị và vận dụng trong điều kiện Việt Nam. + Ứng dụng cách thức đo lường phát triển bền vững. + Thể hiện được chiến	- Về kiến thức: + Giải thích được những vấn đề lý luận cơ bản về môi trường và phát triển bền vững, các vấn đề môi trường, phát triển bền vững toàn cầu và ở Việt Nam; + So sánh hai mô hình phát triển là phát triển bền vững và phát triển không bền vững. + Phân tích các vấn đề môi trường và phát triển bền vững ở khu vực nông thôn và thành thị và vận dụng trong điều kiện Việt Nam. + Ứng dụng cách thức đo lường phát triển bền vững. + Thể hiện được chiến	

		lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu. - Về kỹ năng: + Đánh giá các vấn đề môi trường trong thực tiễn; + Sử dụng được các cách thức đo lường mức độ phát triển bền vững - Về thái độ: + Lên kế hoạch bảo vệ môi trường hướng đến phát triển bền vững	lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu. - Về kỹ năng: + Đánh giá các vấn đề môi trường trong thực tiễn; + Sử dụng được các cách thức đo lường mức độ phát triển bền vững - Về thái độ: + Lên kế hoạch bảo vệ môi trường hướng đến phát triển bền vững	
5.2	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT			
5.3	Trình độ năng lực			
6.	Nội dung giảng dạy chi tiết			
6.1	Các chương của HP			
	Chương 1	Những vấn đề cơ bản về môi trường	Những vấn đề cơ bản về môi trường	
	Chương 2	Phát triển bền vững	Phát triển bền vững	
	Chương 3	Môi trường và phát triển bền vững ở các vùng kinh tế – sinh thái cơ bản	Môi trường và phát triển bền vững ở các vùng kinh tế – sinh thái cơ bản	
	Chương 4	Đánh giá sự phát triển bền vững	Đánh giá sự phát triển bền vững	
	Chương 5	Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam	Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam	
6.2	CDR đạt được khi kết thúc chương			
6.3	Trình độ năng lực đạt được khi kết thúc chương			
6.4	Phương pháp dạy học của từng chương			
	Chương 1:	Lý thuyết và Thảo luận	Lý thuyết và Thảo luận	
	Chương 2:	Lý thuyết và Thảo luận	Lý thuyết và Thảo luận	
	Chương 3:	Lý thuyết và Thảo luận	Lý thuyết và Thảo luận	
	Chương 4:	Lý thuyết và Thảo luận	Lý thuyết và Thảo luận	

	Chương 5:	Lý thuyết và Thảo luận	Lý thuyết và Thảo luận	
6.5	Phương pháp đánh giá của từng chương			
	Chương 1:	Kiểm tra quá trình; Thảo luận nhóm	Kiểm tra quá trình; Thảo luận nhóm	
	Chương 2:	Kiểm tra quá trình; Thảo luận nhóm	Kiểm tra quá trình; Thảo luận nhóm	
	Chương 3:	Kiểm tra quá trình; Kiểm tra viết	Kiểm tra quá trình; Kiểm tra viết	
	Chương 4:	Kiểm tra quá trình; Bài tập cá nhân	Kiểm tra quá trình; Bài tập cá nhân	
	Chương 5:	Kiểm tra quá trình; Thảo luận nhóm	Kiểm tra quá trình; Thảo luận nhóm	
7	Đánh giá kết quả học tập			
7.1	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá	- <i>Kiểm tra định kỳ (10%)</i> + Tiết thứ 34; + Hình thức kiểm tra: tự luận; + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - <i>Thảo luận nhóm (10%)</i> + Tiết thứ 5-6; 11-12; 19-20; 35-36; + Hình thức kiểm tra: thảo luận nhóm + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình nhóm - <i>Bài tập cá nhân (10%)</i> + Tiết thứ 27-30 + Hình thức kiểm tra: Bài tập cá nhân + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình cá nhân - <i>Kiểm tra giữa học phần (20%):</i> + Tiết thứ 18; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - <i>Thi kết thúc học phần (50%)</i> + Thời gian: Cuối học kỳ; + Hình thức kiểm tra: Vấn đáp	- <i>Kiểm tra định kỳ (10%)</i> + Tiết thứ 34; + Hình thức kiểm tra: tự luận; + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - <i>Thảo luận nhóm (10%)</i> + Tiết thứ 5-6; 11-12; 19-20; 35-36; + Hình thức kiểm tra: thảo luận nhóm + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình nhóm - <i>Bài tập cá nhân (10%)</i> + Tiết thứ 27-30 + Hình thức kiểm tra: Bài tập cá nhân + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình cá nhân - <i>Kiểm tra giữa học phần (20%):</i> + Tiết thứ 18; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - <i>Thi kết thúc học phần (50%)</i> + Thời gian: Cuối học kỳ; + Hình thức kiểm tra: Vấn đáp + Phương pháp đánh giá:	

		+ Phương pháp đánh giá: Thuyết trình cá nhân	Thuyết trình cá nhân	
7.2	Đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá			

3. Đánh giá chung

Đề cương năm 2018 cụ thể hóa chi tiết kế hoạch kiểm tra đánh giá

TRƯỜNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

11. Phân tích lợi ích – chi phí

KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO **NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN** **PHÂN TÍCH LỢI ÍCH – CHI PHÍ**

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần Phân tích lợi ích – chi phí đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD ngày 18 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Phân tích lợi ích – chi phí được xây dựng và sử dụng từ năm 2018, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần Phân tích lợi ích – chi phí sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần Phân tích lợi ích – chi phí

TT	Nội dung	HP Phân tích lợi ích – chi phí xây dựng năm 2016	HP Phân tích lợi ích – chi phí xây dựng năm 2018	Ghi chú
1	Tên môn học	Phân tích lợi ích - chi phí	Phân tích lợi ích - chi phí	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập học phần			
	Học phần học trước:	Không	Không	
	- Các học phần trước:	Kinh tế môi trường; Lập và phân tích dự án đầu tư	Kinh tế môi trường; Lập và phân tích dự án đầu tư	
	- Các học phần song hành:	Không	Không	
4	Mục tiêu học phần	Mục tiêu về kiến thức: Học phần trang bị cho người học các vấn đề về phân tích các khía cạnh lợi ích và chi phí kinh tế trong quá trình xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư: nhận dạng lợi	Mục tiêu về kiến thức: Học phần trang bị cho người học các vấn đề về phân tích các khía cạnh lợi ích và chi phí kinh tế trong quá trình xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư: nhận dạng lợi ích,	

	ích, chi phí; đánh giá sự thay đổi của lợi ích, chi phí khi có thuế, trợ cấp và hoạt động xuất nhập khẩu,...; nhằm giúp người học có được những kiến thức và các phương pháp phân tích các phương án, dự án phát triển kinh tế xã hội khi ra quyết định lựa chọn các dự án đầu tư. <i>Mục tiêu về kỹ năng:</i> Người học có cái nhìn từ tổng quát đến chi tiết một cách đầy đủ về lợi ích, chi phí của các dự án đầu tư; Sử dụng các phương pháp phân tích phù hợp với từng dự án; Có khả năng dự đoán những lợi ích hay lường trước rủi ro có thể xảy ra khi dự án thực hiện; Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết các vấn đề tình huống trong quá trình phân tích. <i>Mục tiêu về thái độ:</i> Nâng cao ý thức, vai trò, trách nhiệm của người chịu trách nhiệm trong việc phân tích lợi ích chi phí của dự án đầu tư, đặc biệt là về khía cạnh môi trường, tác động của dự án đến môi trường xung quanh dự án; Tinh thần không ngừng học hỏi trong cả lý thuyết và thực tiễn. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học nhìn nhận được đúng	chi phí; đánh giá sự thay đổi của lợi ích, chi phí khi có thuế, trợ cấp và hoạt động xuất nhập khẩu,...; nhằm giúp người học có được những kiến thức và các phương pháp phân tích các phương án, dự án phát triển kinh tế xã hội khi ra quyết định lựa chọn các dự án đầu tư. <i>Mục tiêu về kỹ năng:</i> Người học có cái nhìn từ tổng quát đến chi tiết một cách đầy đủ về lợi ích, chi phí của các dự án đầu tư; Sử dụng các phương pháp phân tích phù hợp với từng dự án; Có khả năng dự đoán những lợi ích hay lường trước rủi ro có thể xảy ra khi dự án thực hiện; Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết các vấn đề tình huống trong quá trình phân tích. <i>Mục tiêu về thái độ:</i> Nâng cao ý thức, vai trò, trách nhiệm của người chịu trách nhiệm trong việc phân tích lợi ích chi phí của dự án đầu tư, đặc biệt là về khía cạnh môi trường, tác động của dự án đến môi trường xung quanh dự án; Tinh thần không ngừng học hỏi trong cả lý thuyết và thực tiễn. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học nhìn nhận được đúng sai, phù hợp hay không phù hợp và hậu quả của các	
--	---	--	--

		sai, phù hợp hay không phù hợp và hậu quả của các lựa chọn, quyết định mà bản thân làm.	lựa chọn, quyết định mà bản thân làm.	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
5.1	Mô tả chuẩn đầu ra	<i>Về kiến thức</i> Sau khi học xong học phần Phân tích Lợi ích – Chi phí, sinh viên đạt được các yêu cầu về kiến thức: - Tạo dựng được nền tảng kiến thức căn bản về Lợi ích, Chi phí. - Phân loại Cơ sở kinh tế phúc lợi của phân tích lợi ích chi phí. Đo lường lợi ích chi phí khi có giá thị trường. Đo lường lợi ích chi phí không có giá thị trường - Ứng dụng được các kiến thức cơ bản về phân tích Lợi ích Chi phí để giải quyết được các Yếu tố thời gian và suất chiết khấu của lợi ích chi phí. Đánh giá hiệu quả và phân tích độ nhạy - Xây dựng và điều chỉnh được thực trạng, hiệu quả của Lợi ích Chi phí khi đánh giá được các nội dung cơ bản của Lợi ích Chi phí. <i>Về kỹ năng</i> - Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phản biện và kỹ năng thuyết trình. - Phát triển kỹ năng thu thập, xử lý thông tin liên quan đến việc phân tích, nâng cao hiệu quả của	<i>Về kiến thức</i> Sau khi học xong học phần Phân tích Lợi ích – Chi phí, sinh viên đạt được các yêu cầu về kiến thức: - Tạo dựng được nền tảng kiến thức căn bản về Lợi ích, Chi phí. - Phân loại Cơ sở kinh tế phúc lợi của phân tích lợi ích chi phí. Đo lường lợi ích chi phí khi có giá thị trường. Đo lường lợi ích chi phí không có giá thị trường - Ứng dụng được các kiến thức cơ bản về phân tích Lợi ích Chi phí để giải quyết được các Yếu tố thời gian và suất chiết khấu của lợi ích chi phí. Đánh giá hiệu quả và phân tích độ nhạy - Xây dựng và điều chỉnh được thực trạng, hiệu quả của Lợi ích Chi phí khi đánh giá được các nội dung cơ bản của Lợi ích Chi phí. <i>Về kỹ năng</i> - Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phản biện và kỹ năng thuyết trình. - Phát triển kỹ năng thu thập, xử lý thông tin liên quan đến việc phân tích, nâng cao hiệu quả của Lợi	

		Lợi ích Chi phí. - Có khả năng hoạch định, đưa ra các quyết định trong hoạt động đầu tư. <i>Về thái độ</i> - Có lập trường tư tưởng vững vàng, không ngừng học tập để nâng cao phẩm chất đạo đức chính trị. - Tạo dựng được sự đoàn kết tinh thần học hỏi, nhiệt tình, sáng tạo trong công việc. - Thích nghi tốt với các điều kiện làm việc khác nhau.	ích Chi phí. - Có khả năng hoạch định, đưa ra các quyết định trong hoạt động đầu tư. <i>Về thái độ</i> - Có lập trường tư tưởng vững vàng, không ngừng học tập để nâng cao phẩm chất đạo đức chính trị. - Tạo dựng được sự đoàn kết tinh thần học hỏi, nhiệt tình, sáng tạo trong công việc. - Thích nghi tốt với các điều kiện làm việc khác nhau.	
5.2	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT			
5.3	Trình độ năng lực			
6.	Nội dung giảng dạy chi tiết			
6.1	Các chương của HP			
	Chương 1	Giới thiệu chung về môn học	Giới thiệu chung về môn học	
	Chương 2:	Tổng quan về phân tích lợi ích chi phí	Tổng quan về phân tích lợi ích chi phí	
	Chương 3:	Cơ sở kinh tế phúc lợi của phân tích lợi ích chi phí	Cơ sở kinh tế phúc lợi của phân tích lợi ích chi phí	
	Chương 4:	Cơ sở kinh tế vi mô trong phân tích lợi ích chi phí	Cơ sở kinh tế vi mô trong phân tích lợi ích chi phí	
	Chương 5:	Nhận dạng lợi ích chi phí	Nhận dạng lợi ích chi phí	
	Chương 6:	Đo lường lợi ích chi phí khi có giá thị trường	Đo lường lợi ích chi phí khi có giá thị trường	
	Chương 7	Đo lường lợi ích chi phí không có giá thị trường	Đo lường lợi ích chi phí không có giá thị trường	
	Chương 8	Yếu tố thời gian và suất chiết khấu của lợi ích chi phí	Yếu tố thời gian và suất chiết khấu của lợi ích chi phí	
	Chương 9	Đánh giá hiệu quả và phân tích độ nhạy	Đánh giá hiệu quả và phân tích độ nhạy	
6.2	CĐR đạt được khi kết thúc			

	chương			
6.3	Trình độ năng lực đạt được khi kết thúc chương			
6.4	Phương pháp dạy học của từng chương			
	Chương 1	Thuyết giảng	Thuyết giảng	
	Chương 2:	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	
	Chương 3:	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	
	Chương 4:	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	
	Chương 5:	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	
	Chương 6:	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	
	Chương 7:	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	
	Chương 8	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	Thuyết giảng, thảo luận, làm việc nhóm	
	Chương 9	Thuyết giảng	Thuyết giảng	
6.5	Phương pháp đánh giá của từng chương			
	Chương 1	Kiểm tra quá trình	Kiểm tra quá trình	
	Chương 2:	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	
	Chương 3:	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	
	Chương 4:	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	
	Chương 5:	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	
	Chương 6:	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	
	Chương 7:	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	
	Chương 8:	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	Kiểm tra quá trình, thuyết trình nhóm	

	Chương 9:	Kiểm tra quá trình	Kiểm tra quá trình	
7	Đánh giá kết quả học tập			
7.1	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá	- <i>Đánh giá chuyên cần (15%):</i> + Thời điểm từ tiết 1-54; + Hình thức đánh giá: điểm danh + Phương pháp đánh giá: tính điểm trên số buổi đi học - <i>Thảo luận nhóm (15%)</i> + Tiết thứ 5,6; 10,11; 22,23,24; 30,31,,32; 40,41; 43,44; 50,51 + Hình thức kiểm tra: thảo luận nhóm, bài tập cá nhân + Phương pháp đánh giá: thuyết trình nhóm, thuyết trình cá nhân - <i>Kiểm tra giữa học phần (20%)</i> + Tiết thứ 25; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - <i>Thi kết thúc học phần (50%)</i> + Thời gian: Cuối học kỳ; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết	- <i>Đánh giá chuyên cần (15%):</i> + Thời điểm từ tiết 1-54; + Hình thức đánh giá: điểm danh + Phương pháp đánh giá: tính điểm trên số buổi đi học - <i>Thảo luận nhóm (15%)</i> + Tiết thứ 5,6; 10,11; 22,23,24; 30,31,,32; 40,41; 43,44; 50,51 + Hình thức kiểm tra: thảo luận nhóm, bài tập cá nhân + Phương pháp đánh giá: thuyết trình nhóm, thuyết trình cá nhân - <i>Kiểm tra giữa học phần (20%)</i> + Tiết thứ 25; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - <i>Thi kết thúc học phần (50%)</i> + Thời gian: Cuối học kỳ; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết	
7.2	Đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá			

3. Đánh giá chung

Đề cương năm 2018 cụ thể hóa chi tiết kế hoạch kiểm tra đánh giá

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

12. Quản lý Dự án Đầu tư

KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần Quản lý dự án đầu tư đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD ngày 18 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Quản lý dự án đầu tư được xây dựng và sử dụng từ năm 2018, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần Quản lý dự án đầu tư sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần Quản lý Dự án Đầu tư

TT	Nội dung	HP Quản lý dự án đầu tư xây dựng năm 2016	HP Quản lý dự án đầu tư xây dựng năm 2018	Ghi chú
1	Tên môn học	Quản lý dự án đầu tư	Quản lý dự án đầu tư	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập học phần Học phần học trước:	Học phần tiên quyết: Không có Học phần học trước: Lập và phân tích dự án Khác: Không có	Học phần tiên quyết: Không có Học phần học trước: Lập và phân tích dự án Khác: Không có	
4	Mục tiêu học phần	Cung cấp cho người học những kiến thức chung về dự án và quản lý dự án đầu tư nhằm giải quyết các vấn đề	Cung cấp cho người học những kiến thức chung về dự án và quản lý dự án đầu tư nhằm giải quyết	

		trong hoạt động quản lý dự án và ra quyết định quản lý và các hoạt động tác nghiệp của dự án. Trang bị những kỹ năng về chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng mềm và nâng cao ý thức người học nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.	các vấn đề trong hoạt động quản lý dự án và ra quyết định quản lý và các hoạt động tác nghiệp của dự án. Trang bị những kỹ năng về chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng mềm và nâng cao ý thức người học nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
5.1	Mô tả chuẩn đầu ra	- Kiến thức: + Tóm tắt được những kiến thức cơ bản về dự án và quản lý dự án. + Ứng dụng được các kiến thức cơ bản của môn học để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong hoạt động quản lý dự án. + Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về quản lý dự án để trợ giúp việc ra các quyết định quản lý và các hoạt động tác nghiệp của dự án. - Kỹ năng: + Lựa chọn được mô hình tổ chức quản lý dự án phù hợp với đặc điểm của từng dự án. + Xây dựng được bản kế hoạch cho một dự án đầu tư. + Phân tích, đánh giá thông tin về dự án đầu tư và thuyết trình. - Thái độ: + Kết hợp kỹ năng phát hiện và phân tích các vấn đề liên quan đến môn học. + Có tinh thần học hỏi, năng động, sáng tạo, nhiệt tình với công việc.	- Kiến thức: + Tóm tắt được những kiến thức cơ bản về dự án và quản lý dự án. + Ứng dụng được các kiến thức cơ bản của môn học để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong hoạt động quản lý dự án. + Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về quản lý dự án để trợ giúp việc ra các quyết định quản lý và các hoạt động tác nghiệp của dự án. - Kỹ năng: + Lựa chọn được mô hình tổ chức quản lý dự án phù hợp với đặc điểm của từng dự án. + Xây dựng được bản kế hoạch cho một dự án đầu tư. + Phân tích, đánh giá thông tin về dự án đầu tư và thuyết trình. - Thái độ: + Kết hợp kỹ năng phát hiện và phân tích các vấn đề liên quan đến môn học. + Có tinh thần học hỏi, năng động, sáng tạo, nhiệt tình với công việc.	

5.2	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT			
5.3	Trình độ năng lực			
6.	Nội dung giảng dạy chi tiết			
6.1	Các chương của HP	Chương 1: Tổng quan về quản lý dự án đầu tư	Chương 1: Tổng quan về quản lý dự án đầu tư	
		Chương 2: Lập kế hoạch dự án	Chương 2: Lập kế hoạch dự án	
		Chương 3: Quản lý thời gian và tiến độ dự án	Chương 3: Quản lý thời gian và tiến độ dự án	
		Chương 4: Phân phối các nguồn lực dự án	Chương 4: Phân phối các nguồn lực dự án	
		Chương 5: Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án	Chương 5: Dự toán ngân sách và quản lý chi phí dự án	
		Chương 6: Quản lý chất lượng dự án	Chương 6: Quản lý chất lượng dự án	
		Chương 7: Giám sát và đánh giá dự án	Chương 7: Giám sát và đánh giá dự án	
6.2	CĐR đạt được khi kết thúc chương			
6.3	Trình độ năng lực đạt được khi kết thúc chương			
6.4	Phương pháp dạy học của từng chương	Chương 1: Thuyết giảng	Chương 1: Thuyết giảng	
		Chương 2: Thuyết giảng; Thảo luận	Chương 2: Thuyết giảng; Thảo luận	
		Chương 3: Thuyết giảng; Thảo luận	Chương 3: Thuyết giảng; Thảo luận	
		Chương 4: Thuyết giảng; Thảo luận	Chương 4: Thuyết giảng; Thảo luận	
		Chương 5: Thuyết giảng; Thảo luận	Chương 5: Thuyết giảng; Thảo luận	
		Chương 6: Thuyết giảng	Chương 6: Thuyết giảng	
		Chương 7: Thuyết giảng; Thảo luận	Chương 7: Thuyết giảng; Thảo luận	
6.5	Phương pháp đánh giá của từng chương	Chương 1: Kiểm tra quá trình	Chương 1: Kiểm tra quá trình	
		Chương 2: Kiểm tra quá trình; Thảo luận nhóm	Chương 2: Kiểm tra quá trình; Thảo luận nhóm	
		Chương 3: Kiểm tra quá trình;	Chương 3: Kiểm tra quá trình;	

		Thảo luận nhóm	Thảo luận nhóm	
		Chương 4: Kiểm tra quá trình;	Chương 4: Kiểm tra quá trình;	
		Thảo luận nhóm	Thảo luận nhóm	
		Chương 5: Kiểm tra quá trình;	Chương 5: Kiểm tra quá trình;	
		Thảo luận nhóm	Thảo luận nhóm	
		Chương 6: Kiểm tra quá trình	Chương 6: Kiểm tra quá trình	
		Chương 7: Kiểm tra quá trình;	Chương 7: Kiểm tra quá trình;	
		Thảo luận nhóm	Thảo luận nhóm	
7	Đánh giá kết quả học tập			
7.1	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá	- Thảo luận: 10% - Chuyên cần: 10% - Kiểm tra định kỳ : 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%	- Thảo luận: 10% - Chuyên cần: 10% - Kiểm tra định kỳ : 10% - Kiểm tra giữa kỳ: 20% - Thi kết thúc học phần: 50%	
7.2	Đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá			

3. Đánh giá chung

Đề cương năm 2018 cụ thể hóa chi tiết kế hoạch kiểm tra đánh giá

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

13. Quản lý rủi ro trong đầu tư

KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN QUẢN LÝ RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần Quản lý rủi ro trong đầu tư đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD ngày 18 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Quản lý rủi ro trong đầu tư được xây dựng và sử dụng từ năm 2018, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần Quản lý rủi ro trong đầu tư sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần Quản lý rủi ro trong Đầu tư

TT	Nội dung	HP Quản lý rủi ro trong đầu tư xây dựng năm 2016	HP Quản lý rủi ro trong đầu tư xây dựng năm 2018	Ghi chú
1	Tên môn học	Quản lý rủi ro trong đầu tư	Quản lý rủi ro trong đầu tư	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập học phần			
	Học phần tiên quyết:	Không	Không	
	Học phần học trước:	Quản lý dự án đầu tư	Quản lý dự án đầu tư	
	Học phần song hành:	Không	Không	
4	Mục tiêu học phần	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về quản lý rủi ro trong các hoạt động đầu tư diễn ra trong nền kinh tế. Môn học được trình bày trong năm chương, bao gồm một số nội dung cơ bản như: kiến thức tổng quan về rủi ro và quản lý rủi ro trong đầu tư; nhận diện các loại rủi ro trong hoạt động đầu tư thông qua	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về quản lý rủi ro trong các hoạt động đầu tư diễn ra trong nền kinh tế. Môn học được trình bày trong năm chương, bao gồm một số nội dung cơ bản như: kiến thức tổng quan về rủi ro và quản lý rủi ro trong đầu tư; nhận diện các loại rủi ro trong hoạt động đầu tư thông qua	

		các kỹ thuật nhận diện; các công cụ được sử dụng để định lượng, đo lường rủi ro của các phương án đầu tư cho các chủ đầu tư; phân tích và lựa chọn các phương án đầu tư và ra quyết định trong điều kiện rủi ro; quản lý rủi ro đối với các dự án đầu tư; các phương pháp nhằm phòng ngừa và kiểm soát rủi ro.	các kỹ thuật nhận diện; các công cụ được sử dụng để định lượng, đo lường rủi ro của các phương án đầu tư cho các chủ đầu tư; phân tích và lựa chọn các phương án đầu tư và ra quyết định trong điều kiện rủi ro; quản lý rủi ro đối với các dự án đầu tư; các phương pháp nhằm phòng ngừa và kiểm soát rủi ro.	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
5.1	Mô tả chuẩn đầu ra	- <i>Kiến thức:</i> + Tóm tắt được những kiến thức cơ bản nhất về quản lý rủi ro trong đầu tư; giải thích một cách tổng quan nhất về quản lý rủi ro cũng như cách nhận biết hay cách để phòng ngừa, giảm bớt rủi ro trong đầu tư. + Ứng dụng được các kiến thức cơ bản của môn học vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của hoạt động quản lý rủi ro trong đầu tư đầu tư; + Sử dụng các nguyên lý cơ bản trong quản lý rủi ro nhằm trợ giúp việc đưa ra quyết định đầu tư tối ưu. - <i>Kỹ năng:</i> + Phát hiện, giải quyết vấn đề về rủi ro, xác định vấn đề rủi ro ưu tiên trong lĩnh vực đầu tư. + Phát hiện, phân tích, đánh giá thông tin trong đầu tư và thuyết trình. + Quyết định lựa chọn các phương án trong điều kiện rủi ro trong đầu tư. - <i>Thái độ:</i> Trên phương	- <i>Kiến thức:</i> + Tóm tắt được những kiến thức cơ bản nhất về quản lý rủi ro trong đầu tư; giải thích một cách tổng quan nhất về quản lý rủi ro cũng như cách nhận biết hay cách để phòng ngừa, giảm bớt rủi ro trong đầu tư. + Ứng dụng được các kiến thức cơ bản của môn học vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của hoạt động quản lý rủi ro trong đầu tư đầu tư; + Sử dụng các nguyên lý cơ bản trong quản lý rủi ro nhằm trợ giúp việc đưa ra quyết định đầu tư tối ưu. - <i>Kỹ năng:</i> + Phát hiện, giải quyết vấn đề về rủi ro, xác định vấn đề rủi ro ưu tiên trong lĩnh vực đầu tư. + Phát hiện, phân tích, đánh giá thông tin trong đầu tư và thuyết trình. + Quyết định lựa chọn các phương án trong điều kiện rủi ro trong đầu tư. - <i>Thái độ:</i> Trên phương	

		diện chủ đầu tư và nhà quản lý đầu tư, người học xác định được trách nhiệm của bản thân trong các hành vi đầu tư do mình hoặc tổ chức mình đang làm việc thực hiện; phân tích và giải quyết một cách chủ động khi ứng phó với các rủi ro xảy ra trong tiến trình đầu tư	diện chủ đầu tư và nhà quản lý đầu tư, người học xác định được trách nhiệm của bản thân trong các hành vi đầu tư do mình hoặc tổ chức mình đang làm việc thực hiện; phân tích và giải quyết một cách chủ động khi ứng phó với các rủi ro xảy ra trong tiến trình đầu tư	
5.2	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT			
5.3	Trình độ năng lực			
6.	Nội dung giảng dạy chi tiết			
6.1	Các chương của HP			
	Chương 1	Tổng quan về rủi ro và quản lý rủi ro trong đầu tư	Tổng quan về rủi ro và quản lý rủi ro trong đầu tư	
	Chương 2	Nhận diện rủi ro trong đầu tư	Nhận diện rủi ro trong đầu tư	
	Chương 3	Ra quyết định trong điều kiện rủi ro	Ra quyết định trong điều kiện rủi ro	
	Chương 4	Quản lý rủi ro đối với các dự án đầu tư	Quản lý rủi ro đối với các dự án đầu tư	
	Chương 5	Phương pháp quản lý và phòng chống rủi ro trong đầu tư	Phương pháp quản lý và phòng chống rủi ro trong đầu tư	
6.2	CĐR đạt được khi kết thúc chương			
6.3	Trình độ năng lực đạt được khi kết thúc chương			
6.4	Phương pháp dạy học của từng chương			
	Chương 1	Lý thuyết và Thảo luận	Lý thuyết và Thảo luận	
	Chương 2	Lý thuyết và Thảo luận	Lý thuyết và Thảo luận	
	Chương 3	Lý thuyết và Thảo luận	Lý thuyết và Thảo luận	
	Chương 4	Lý thuyết và Thảo luận	Lý thuyết và Thảo luận	
	Chương 5	Lý thuyết và Thảo luận	Lý thuyết và Thảo luận	
6.5	Phương pháp đánh giá của từng chương			

	Chương 1	Kiểm tra quá trình; Kiểm tra viết	Kiểm tra quá trình; Kiểm tra viết	
	Chương 2	Kiểm tra quá trình; Kiểm tra viết, Thuyết trình nhóm	Kiểm tra quá trình; Kiểm tra viết, Thuyết trình nhóm	
	Chương 3	Kiểm tra quá trình; Bài tập cá nhân	Kiểm tra quá trình; Bài tập cá nhân	
	Chương 4	Kiểm tra quá trình; Kiểm tra viết	Kiểm tra quá trình; Kiểm tra viết	
	Chương 5	Kiểm tra quá trình; Thuyết trình nhóm	Kiểm tra quá trình; Thuyết trình nhóm	
7	Đánh giá kết quả học tập			
7.1	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá	- <i>Kiểm tra định kỳ (10%)</i> + Tiết thứ 16; 31; 43; + Hình thức kiểm tra: tự luận; + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - <i>Thảo luận nhóm (10%)</i> + Tiết thứ 8-12; 49-51; + Hình thức kiểm tra: thảo luận nhóm + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình nhóm - <i>Bài tập cá nhân (10%)</i> + Tiết thứ 20; 23; 28; 30; 33-34; 44; 49; 52-54 + Hình thức kiểm tra: Bài tập cá nhân + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình cá nhân - <i>Kiểm tra giữa học phần (20%):</i> + Tiết thứ 35-36; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - <i>Thi kết thúc học phần (50%)</i> + Thời gian: Cuối học kỳ; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết	- <i>Kiểm tra định kỳ (10%)</i> + Tiết thứ 16; 31; 43; + Hình thức kiểm tra: tự luận; + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - <i>Thảo luận nhóm (10%)</i> + Tiết thứ 8-12; 49-51; + Hình thức kiểm tra: thảo luận nhóm + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình nhóm - <i>Bài tập cá nhân (10%)</i> + Tiết thứ 20; 23; 28; 30; 33-34; 44; 49; 52-54 + Hình thức kiểm tra: Bài tập cá nhân + Phương pháp đánh giá: Thuyết trình cá nhân - <i>Kiểm tra giữa học phần (20%):</i> + Tiết thứ 35-36; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết - <i>Thi kết thúc học phần (50%)</i> + Thời gian: Cuối học kỳ; + Hình thức kiểm tra: tự luận + Phương pháp đánh giá: Kiểm tra viết	
7.2	Đối chiếu các chuẩn đầu			

	ra học phần được đánh giá			
--	---------------------------	--	--	--

3. Đánh giá chung

Đề cương năm 2018 cụ thể hóa chi tiết kế hoạch kiểm tra đánh giá

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

14. Thẩm định Dự án Đầu tư

KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần Thẩm định dự án đầu tư đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD ngày 18 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Thẩm định dự án đầu tư được xây dựng và sử dụng từ năm 2018, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần Thẩm định dự án đầu tư sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần Thẩm định Dự án Đầu tư

TT	Nội dung	HP Thẩm định dự án đầu tư xây dựng năm 2016	HP Thẩm định dự án đầu tư xây dựng năm 2018	Ghi chú
1	Tên môn học	Thẩm định Dự án Đầu tư	Thẩm định Dự án Đầu tư	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập học phần			
	Học phần tiên quyết:	Lập và phân tích dự án đầu tư	Lập và phân tích dự án đầu tư	
	Học phần học trước:	Kinh tế Đầu tư	Kinh tế Đầu tư	
	Khác:	không	không	
4	Mục tiêu học phần	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thẩm định dự án. Đồng thời, học phần này cũng trang bị phương pháp thẩm định dự án và tiêu chí thẩm định để người học có đầy đủ các công cụ và phương pháp để thẩm định không chỉ các dự án sản xuất kinh doanh mà	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thẩm định dự án. Đồng thời, học phần này cũng trang bị phương pháp thẩm định dự án và tiêu chí thẩm định để người học có đầy đủ các công cụ và phương pháp để thẩm định không chỉ các dự án sản xuất kinh doanh mà	

		còn dự án đầu tư công.	còn dự án đầu tư công.	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
5.1	Mô tả chuẩn đầu ra	CDR về kiến thức + Nhận diện khái niệm, mục đích và yêu cầu của thẩm định dự án đầu tư, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thẩm định dự án. + Biết trình tự thẩm định một dự án đầu tư, quy trình tổ chức thẩm định dự án đầu tư ở Việt Nam. + Hiểu và kết hợp các phương pháp thẩm định dự án, các quan điểm phân tích và đánh giá dự án, các chỉ tiêu thẩm định dự án để từ đó thẩm định các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư công theo các nhóm yếu tố khác nhau như: căn cứ pháp lý, thị trường, kỹ thuật công nghệ, tổ chức quản lý và nhân sự, tài chính, kinh tế xã hội. CDR về kỹ năng + Người học được trang bị kỹ năng thẩm định dự án đầu tư một cách đầy đủ như thẩm định tính khả thi của dự án về mặt tài chính, thẩm định mức độ rủi ro của dự án... giúp chọn lựa phương án đầu tư hiệu quả, giảm thiểu rủi ro khi đưa ra các quyết định đầu tư. + Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết được các vấn đề tình huống trong thẩm định.	CDR về kiến thức + Nhận diện khái niệm, mục đích và yêu cầu của thẩm định dự án đầu tư, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thẩm định dự án. + Biết trình tự thẩm định một dự án đầu tư, quy trình tổ chức thẩm định dự án đầu tư ở Việt Nam. + Hiểu và kết hợp các phương pháp thẩm định dự án, các quan điểm phân tích và đánh giá dự án, các chỉ tiêu thẩm định dự án để từ đó thẩm định các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh và dự án đầu tư công theo các nhóm yếu tố khác nhau như: căn cứ pháp lý, thị trường, kỹ thuật công nghệ, tổ chức quản lý và nhân sự, tài chính, kinh tế xã hội. CDR về kỹ năng + Người học được trang bị kỹ năng thẩm định dự án đầu tư một cách đầy đủ như thẩm định tính khả thi của dự án về mặt tài chính, thẩm định mức độ rủi ro của dự án... giúp chọn lựa phương án đầu tư hiệu quả, giảm thiểu rủi ro khi đưa ra các quyết định đầu tư. + Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết được các vấn đề tình huống trong thẩm định.	

		CDR về thái độ + Nâng cao được ý thức về vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của người trực tiếp liên quan đến thẩm định. + Chủ động thích ứng với sự biến đổi trong công tác thẩm định. + Hình thành niềm say mê công tác thẩm định dự án, tinh thần không ngừng học hỏi cả trong thực tiễn và trong lý thuyết, tích cực đóng góp để ngày càng hoàn thiện hơn quy trình thẩm định dự án. Có thái độ nhã nhặn, đúng mực khi tiếp nhận các công việc liên quan tới thẩm định dự án đầu tư trong thời gian thực tập.	CDR về thái độ + Nâng cao được ý thức về vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của người trực tiếp liên quan đến thẩm định. + Chủ động thích ứng với sự biến đổi trong công tác thẩm định. + Hình thành niềm say mê công tác thẩm định dự án, tinh thần không ngừng học hỏi cả trong thực tiễn và trong lý thuyết, tích cực đóng góp để ngày càng hoàn thiện hơn quy trình thẩm định dự án. Có thái độ nhã nhặn, đúng mực khi tiếp nhận các công việc liên quan tới thẩm định dự án đầu tư trong thời gian thực tập.	
5.2	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT			
5.3	Trình độ năng lực			
6.	Nội dung giảng dạy chi tiết			
6.1	Các chương của HP			
	Chương 1	Tổng quan về thẩm định dự án đầu tư	Tổng quan về thẩm định dự án đầu tư	
	Chương 2	Tổ chức thẩm định dự án đầu tư	Tổ chức thẩm định dự án đầu tư	
	Chương 3	Phương pháp thẩm định dự án đầu tư	Phương pháp thẩm định dự án đầu tư	
	Chương 4	Thẩm định dự án đầu tư sản xuất – kinh doanh	Thẩm định dự án đầu tư sản xuất – kinh doanh	
	Chương 5	Thẩm định dự án đầu tư công	Thẩm định dự án đầu tư công	
6.2	CDR đạt được khi kết thúc chương			
6.3	Trình độ năng lực đạt được khi kết thúc chương			
6.4	Phương pháp dạy học của từng chương	Chương 1: Thuyết giảng, thảo luận nhóm	Chương 1: Thuyết giảng, thảo luận nhóm	
		Chương 2: Thuyết giảng, Thảo luận nhóm	Chương 2: Thuyết giảng, Thảo luận nhóm	

		Chương 3: Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, kiểm tra đánh giá	Chương 3: Thuyết giảng, bài tập, thảo luận, kiểm tra đánh giá	
		Chương 4: Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	Chương 4: Thuyết giảng, bài tập, thảo luận	
		Chương 5: Thuyết giảng, thảo luận	Chương 5: Thuyết giảng, thảo luận	
6.5	Phương pháp đánh giá của từng chương	Chương 1: Thuyết trình nhóm	Chương 1: Thuyết trình nhóm	
		Chương 2: Thuyết trình nhóm	Chương 2: Thuyết trình nhóm	
		Chương 3: Kiểm tra viết, thuyết trình nhóm	Chương 3: Kiểm tra viết, thuyết trình nhóm	
		Chương 4: Bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm	Chương 4: Bài tập cá nhân, thuyết trình nhóm	
		Chương 5: Thuyết trình nhóm	Chương 5: Thuyết trình nhóm	
7	Đánh giá kết quả học tập			
7.1	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá	Thảo luận, bài tập: 20% Kiểm tra giữa học phần: 20% Chuyên cần: 10% Điểm thi kết thúc học phần: 50%; Hình thức thi: thi viết tự luận.	Thảo luận, bài tập: 20% Kiểm tra giữa học phần: 20% Chuyên cần: 10% Điểm thi kết thúc học phần: 50%; Hình thức thi: thi viết tự luận.	
7.2	Đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá			

3. Đánh giá chung

Đề cương năm 2018 cụ thể hóa chi tiết kế hoạch kiểm tra đánh giá.

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

15. Thị trường vốn đầu tư

KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KINH TẾ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH HỌC PHẦN THỊ TRƯỜNG VỐN ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh học phần Thị trường vốn đầu tư đã được rà soát, chỉnh sửa theo chuẩn đầu ra được ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD ngày 18 tháng 02 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế & QTKD với học phần Thị trường vốn đầu tư được xây dựng và sử dụng từ năm 2018, qua đó đánh giá được những kết quả đạt được và những hạn chế của học phần Thị trường vốn đầu tư sau khi được rà soát. Tiến hành các chỉnh sửa để đáp ứng tốt nhất chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung đối sánh học phần Thị trường vốn đầu tư

TT	Nội dung	HP Thị trường vốn đầu tư xây dựng năm 2016	HP Thị trường vốn đầu tư xây dựng năm 2018	Ghi chú
1	Tên môn học	Thị trường vốn đầu tư	Thị trường vốn đầu tư	
2	Số tín chỉ	03	03	
3	Điều kiện tham gia học tập học phần			
	Các học phần tiên quyết	Không	Không	
	Học phần học trước	Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô	Không	
	Học phần song hành	Thị trường chứng khoán	Không	
4	Mục tiêu học phần	Học phần sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về thị trường vốn đầu tư. biết cách sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả thông qua cách phân tích các chứng khoán đầu tư, qua cách xây dựng và lựa chọn danh mục đầu tư hợp lý hoặc cách thành lập, đầu tư qua	Học phần sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về thị trường vốn đầu tư. biết cách sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả thông qua cách phân tích các chứng khoán đầu tư, qua cách xây dựng và lựa chọn danh mục đầu tư hợp lý hoặc cách thành lập, đầu tư qua	

		các quỹ đầu tư chứng khoán...về thị trường. Có khả năng tự định hướng, giải quyết các vấn đề về đầu tư đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán	các quỹ đầu tư chứng khoán...về thị trường. Có khả năng tự định hướng, giải quyết các vấn đề về đầu tư đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán	
5	Chuẩn đầu ra của học phần			
5.1	Mô tả chuẩn đầu ra	- <i>Về kiến thức</i> + Người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về thị trường vốn đầu tư. + Người học hiểu một cách tổng quan nhất về thị trường vốn thông qua thị trường thuê mua, thị trường chứng khoán và thị trường cầm cố bất động sản. - <i>Về kỹ năng</i> + Sinh viên sẽ biết cách sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả thông qua cách phân tích các chứng khoán đầu tư, qua cách xây dựng và lựa chọn danh mục đầu tư hợp lý hoặc cách thành lập, đầu tư qua các quỹ đầu tư chứng khoán...về thị trường + Sau khi nắm được các kiến thức chung nhất, cơ bản nhất về thị trường vốn đầu tư, các sinh viên sẽ tư duy, hệ thống và logic được với các môn học chuyên ngành khác. - <i>Về thái độ</i> + Có khả năng tự định hướng, giải quyết các vấn đề về đầu tư đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán. + Phát triển kỹ năng cộng tác, năng lực đánh giá và tự đánh giá.	- <i>Về kiến thức</i> + Người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản nhất về thị trường vốn đầu tư. + Người học hiểu một cách tổng quan nhất về thị trường vốn thông qua thị trường thuê mua, thị trường chứng khoán và thị trường cầm cố bất động sản. - <i>Về kỹ năng</i> + Sinh viên sẽ biết cách sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả thông qua cách phân tích các chứng khoán đầu tư, qua cách xây dựng và lựa chọn danh mục đầu tư hợp lý hoặc cách thành lập, đầu tư qua các quỹ đầu tư chứng khoán...về thị trường + Sau khi nắm được các kiến thức chung nhất, cơ bản nhất về thị trường vốn đầu tư, các sinh viên sẽ tư duy, hệ thống và logic được với các môn học chuyên ngành khác. - <i>Về thái độ</i> + Có khả năng tự định hướng, giải quyết các vấn đề về đầu tư đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán. + Phát triển kỹ năng cộng tác, năng lực đánh giá và tự đánh giá.	

5.2	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT			
5.3	Trình độ năng lực			
6.	Nội dung giảng dạy chi tiết			
6.1	<i>Các chương của HP</i>			
	Phần 1	Tổng quan về thị trường vốn	Tổng quan về thị trường vốn	
	Phần 2	Tổng quan về thị trường BĐS	Tổng quan về thị trường BĐS	
	Phần 3 chương 1	Giới thiệu chung về chứng khoán và đầu tư chứng khoán	Giới thiệu chung về chứng khoán và đầu tư chứng khoán	
	Phần 3 Chương 2	Phân tích chứng khoán	Phân tích chứng khoán	
	Phần 3 Chương 3	Xây dựng và lựa chọn danh mục đầu tư	Xây dựng và lựa chọn danh mục đầu tư	
	Phần 3 Chương 4	Mô hình định giá tài sản vốn	Mô hình định giá tài sản vốn	
	Phần 3 Chương 5	Quỹ đầu tư và công ty quản lý quỹ	Quỹ đầu tư và công ty quản lý quỹ	
6.2	CDR đạt được khi kết thúc chương			
6.3	Trình độ năng lực đạt được khi kết thúc chương			
6.4	<i>Phương pháp dạy học của từng chương</i>			
	Phần 1	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	
	Phần 2	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	
	Phần 3 chương 1	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	
	Phần 3 chương 2	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	
	Phần 3 chương 3	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	
	Phần 3 chương 4	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	
	Phần 3 chương 5	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	Thuyết trình Trình chiếu P.Point Thảo luận	

<i>Phương pháp đánh giá của từng chương</i>				
6.5	Phần 1	Kiểm tra Thuyết trình nhóm	Kiểm tra Thuyết trình nhóm	
	Phần 2	Thuyết trình nhóm Kiểm tra	Thuyết trình nhóm Kiểm tra	
	Phần 3 chương 1	Thuyết trình nhóm Kiểm tra	Thuyết trình nhóm Kiểm tra	
	Phần 3 chương 2	Thuyết trình nhóm Kiểm tra thường xuyên	Thuyết trình nhóm Kiểm tra thường xuyên	
	Phần 3 chương 3	Thuyết trình nhóm Kiểm tra	Thuyết trình nhóm Kiểm tra	
	Phần 3 chương 4	Thuyết trình nhóm Kiểm tra thường xuyên	Thuyết trình nhóm Kiểm tra thường xuyên	
	Phần 3 chương 5	Thuyết trình nhóm Kiểm tra	Thuyết trình nhóm Kiểm tra	
7	Đánh giá kết quả học tập	- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên trọng số: 30% - Kiểm tra, đánh giá định (giữa) kỳ trọng số: 20% - Thi, đánh giá cuối kỳ trọng số: 50%	- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên trọng số: 30% - Kiểm tra, đánh giá định (giữa) kỳ trọng số: 20% - Thi, đánh giá cuối kỳ trọng số: 50%	
7.1	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá			
7.2	Đối chiếu các chuẩn đầu ra học phần được đánh giá			

3. Đánh giá chung

Đề cương năm 2018 cụ thể hóa chi tiết kế hoạch kiểm tra đánh giá

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

Phụ lục C: Kế hoạch đào tạo

1. Thời gian đào tạo ngành Kinh tế Đầu tư: 4 năm

2. Khung kế hoạch đào tạo ngành Kinh tế Đầu tư

Khung kế hoạch đào tạo ngành Kinh tế Đầu tư được phân bổ theo từng học kỳ như sau:

a. Phân bổ kiến thức theo học kỳ

STT	Học phần	Số TC	Phân bổ các kỳ							
			K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	33	12	10	5	2	2	2	0	0
1	Những NL CB của CN Mác-Lênin 1	2	2							
2	Những NL CB của CN Mác-Lênin 2	3	3							
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2						
4	Đường lối cách mạng Việt Nam	3			3					
5	Pháp luật đại cương	2	2							
6	Tiếng Anh 1	2	2							
7	Tiếng Anh 2	2		2						
8	Tiếng Anh 3	2			2					
9	Tiếng Anh 4	2				2				
10	Tiếng Anh 5	2					2			
11	Tiếng Anh 6	2						2		
12	Toán kinh tế	3	3							
13	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		3						
14	Tin học đại cương	3		3						
15	Giáo dục thể chất 1		x							
16	Giáo dục thể chất 2			x						
17	Giáo dục thể chất 3				x					
18	Giáo dục quốc phòng				x					
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	83	3	6	12	15	15	14	18	0
II.1	KIẾN THỨC CƠ SỞ CỦA KHỐI NGÀNH	6	3	3	0	0	0	0	0	0
19	Kinh tế vi mô 1	3	3							
20	Kinh tế vĩ mô 1	3		3						
II.2	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	24	0	3	9	12	0	0	0	0
II.2.1	Kiến thức bắt buộc	21	0	3	9	9	0	0	0	0
21	Tài chính - tiền tệ 1	3			3					
22	Nguyên lý thống kê	3			3					

STT	Học phần	Số TC	Phân bổ các kỳ							
			K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8
23	Nguyên lý kế toán	3			3					
24	Marketing căn bản	3				3				
25	Luật Kinh tế	3				3				
26	Quản trị học	3		3						
27	Kinh tế lượng	3				3				
II.2.2	Kiến thức tự chọn	3				3				
28	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3								
29	Môi trường và con người	3								
30	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3								
31	Địa lý kinh tế Việt Nam	3								
32	Quản lý nhà nước về kinh tế	3								
II.3	KIẾN THỨC NGÀNH	24	0	0	3	3	12	6	0	0
II.3.1	Kiến thức bắt buộc	18	0	0	3	3	12	0	0	0
33	Kinh tế Môi trường	3			3					
34	Kinh tế vi mô 2	3				3				
35	Kinh tế vĩ mô 2	3					3			
36	Luật Đầu tư	3					3			
37	Kinh tế Đầu tư 1	3					3			
38	Kinh tế Phát triển 1	3					3			
II.3.2	Kiến thức tự chọn	6						6		
39	Kinh tế Công cộng	3								
40	Kinh tế và Chính sách phát triển vùng	3								
41	Kinh tế Bảo hiểm									
42	Kế toán Doanh nghiệp									
43	Thống kê Kinh tế									
II.4	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	27	0	0	0	0	3	6	18	0
II.4.1	Kiến thức bắt buộc	21	0	0	0	0	3	6	12	0
44	Đầu tư Quốc tế	3					3			
45	Lập và Phân tích dự án đầu tư	3						3		
46	Kinh tế Đầu tư 2	3						3		
47	Thị trường vốn đầu tư	3							3	
48	Quản lý dự án đầu tư	3							3	
49	Đấu thầu trong đầu tư	3							3	
50	Thẩm định dự án đầu tư	3							3	
II.4.2	Kiến thức tự chọn	6							6	

STT	Học phần	Số TC	Phân bổ các kỳ							
			K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8
51	Phân tích lợi ích – chi phí	3								
52	Thống kê đầu tư XD CB	3								
53	Phân tích chính sách phát triển	3								
54	Nghiên cứu và dự báo kinh tế	3								
55	Dự báo phát triển KTXH	3								
56	Kế hoạch hóa phát triển KT-XH	3								
II.5	ĐỀ ÁN MÔN HỌC	2						2		
II.4	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	4								4
II.5	KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP	6								6
II.5.1	Khóa luận tốt nghiệp	6								
II.5.2	Học phần tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp^(*)	6								
57	Quản lý rủi ro trong đầu tư	3								
58	Đầu tư công	3								
59	Đầu tư tài chính	3								
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	126	15	16	17	17	17	16	18	10

(*) Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp sẽ lựa chọn 06 tín chỉ trong các học phần từ 57 đến 59.

b. Dự kiến danh sách cán bộ giảng dạy các học phần

STT	Học phần	Tên giảng viên giảng dạy	Học vị
1	Những NLCB của CN Mác-Lênin 1	Ngô Thị Tân Hương Nguyễn Thị Nội	Tiến sĩ Tiến sĩ
2	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	Ngô Thị Tân Hương Đào Thị Tân	Tiến sĩ Thạc sĩ
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Trần Huy Ngọc Trần Thị Phương Hạnh	Thạc sĩ Thạc sĩ
4	Đường lối cách mạng Việt Nam	Đào Thị Tân Trần Thị Phương Hạnh	Thạc sĩ Thạc sĩ
5	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Phương Thúy Trần Lương Đức	Thạc sĩ Thạc sĩ
6	Tiếng Anh 1	Nguyễn Văn Thịnh Phan Minh Huyền	Thạc sĩ Thạc sĩ
7	Tiếng Anh 2	Nguyễn Hiền Lương Đặng Thị Ngọc Anh	Thạc sĩ Thạc sĩ
8	Tiếng Anh 3	Phạm Thị Ngà Tạ Thị Mai Hương	Thạc sĩ Thạc sĩ
9	Tiếng Anh 4	Nguyễn Văn Thịnh Nguyễn Hiền Lương	Thạc sĩ Thạc sĩ
10	Tiếng Anh 5	Nguyễn Vũ Phong Vân Lê Huy Hoàng	Thạc sĩ Thạc sĩ
11	Tiếng Anh 6	Nguyễn Vũ Phong Vân Lê Huy Hoàng	Thạc sĩ Thạc sĩ

STT	Học phần	Tên giảng viên giảng dạy	Học vị
12	Toán kinh tế	Nguyễn Văn Minh Phạm Thị Linh	Tiến sĩ Thạc sĩ
13	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Thị Thu Hằng Trần Nguyên Bình	Thạc sĩ Thạc sĩ
14	Tin học đại cương	Vũ Văn Huy Nguyễn Thị Lan Hương	Tiến sĩ Tiến sĩ
15	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Nam Hà Nguyễn Tiến Lâm	Thạc sĩ Tiến sĩ
16	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Tiên Phong Nguyễn Ngọc Bính	Thạc sĩ Thạc sĩ
17	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Văn Thanh Trần Thị Tiệp	Thạc sĩ Thạc sĩ
18	Giáo dục quốc phòng		
19	Kinh tế vi mô 1	Bùi Nữ Hoàng Anh Đỗ Thị Hòa Nhã	Tiến sĩ Thạc sĩ
20	Kinh tế vĩ mô 1	Cao Phương Nga Nguyễn Thị Như Trang	Thạc sĩ Thạc sĩ
21	Tài chính – tiền tệ 1	Vũ Thị Hậu Nguyễn Việt Dũng	Tiến sĩ Tiến sĩ
22	Nguyên lý thống kê	Nguyễn Thị Phương Hảo Ngô Thị Mỹ	Tiến sĩ Tiến sĩ
23	Nguyên lý kế toán	Trần Đình Tuấn Đàm Phương Lan	PGS.TS Thạc sĩ
24	Marketing căn bản	Nguyễn Thị Gấm Phạm Công Toàn	PGS.TS Tiến sĩ
25	Luật kinh tế	Nguyễn Thị Phương Thúy Nguyễn Quang Huy	Thạc sĩ Thạc sĩ
26	Quản trị học	Đỗ Đình Long Ngô Thị Nhung	Tiến sĩ Thạc sĩ
27	Kinh tế lượng	Hoàng Văn Hải Nguyễn Ngọc Hoa	Thạc sĩ Thạc sĩ
28	Lịch sử các học thuyết kinh tế	Đồng Văn Tuấn Nguyễn Thu Thủy	Tiến sĩ Thạc sĩ
29	Môi trường và con người	Hoàng Thị Thu Hằng Nguyễn Thị Thúy Vân	Thạc sĩ Thạc sĩ
30	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Ngô Thị Mỹ Nguyễn Thị Nhung	Tiến sĩ Thạc sĩ
31	Địa lý kinh tế Việt Nam	Nguyễn Văn Công Nguyễn Thị Hà	Tiến sĩ Thạc sĩ
32	Quản lý nhà nước về kinh tế	Đặng Tất Thắng Ngô Thị Nhung	Thạc sĩ Thạc sĩ
33	Kinh tế Môi trường	Nguyễn Thị Thúy Vân Dương Thị Tình	Thạc sĩ Tiến sĩ
34	Kinh tế Vi mô 2	Lê Thị Yên Nguyễn Thu Thủy	Thạc sĩ Thạc sĩ
35	Kinh tế Vĩ mô 2	Bùi Nữ Hoàng Anh Nguyễn Xuân Điệp	Tiến sĩ Thạc sĩ
36	Luật Đầu tư	Trần Thùy Linh Trần Thị Bình An	Thạc sĩ Thạc sĩ

STT	Học phần	Tên giảng viên giảng dạy	Học vị
37	Kinh tế Đầu tư 1	Lê Thị Yến Đinh Trọng Ân Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tiến sĩ Thạc sĩ Thạc sĩ
38	Kinh tế Phát triển 1	Nguyễn Thị Thu Hà Nguyễn Thu Hà	Tiến sĩ Thạc sĩ
39	Kinh tế Công cộng	Nguyễn Thị Thu Trịnh Thị Thu Trang	Thạc sĩ Thạc sĩ
40	Kinh tế và Chính sách phát triển vùng	Nguyễn Thị Thu Hà Nguyễn Thị Lương Anh	Tiến sĩ Thạc sĩ
41	Kinh tế Bảo hiểm	Nguyễn Thị Thu Nguyễn Thị Thanh Quý	Thạc sĩ Thạc sĩ
42	Kế toán Doanh nghiệp	Ma Thị Hương Nguyễn Thị Nga	Tiến sĩ Tiến sĩ
43	Thống kê Kinh tế	Nguyễn Thị Phương Hảo Ngô Thị Mỹ	Tiến sĩ Tiến sĩ
44	Đầu tư Quốc tế	Nguyễn Tiến Long Triệu Văn Huân	Tiến sĩ Thạc sĩ
45	Lập và phân tích dự án đầu tư	Hà Vũ Nam Hoàng Thị Thu Hằng	Thạc sĩ Thạc sĩ
46	Kinh tế Đầu tư 2	Vũ Việt Linh Đinh Trọng Ân	Thạc sĩ Thạc sĩ
47	Thị trường vốn đầu tư	Đinh Thị Vững Vũ Việt Linh	Thạc sĩ Thạc sĩ
48	Quản lý dự án đầu tư	Nguyễn Thị Thùy Dung Nguyễn Thị Ngân	Thạc sĩ Thạc sĩ
49	Đầu thầu trong đầu tư	Nguyễn Huy Hoàng Hoàng Thị Thu Hằng	Thạc sĩ Thạc sĩ
50	Thẩm định dự án đầu tư	Nguyễn Thị Thanh Huyền Đặng Kim Oanh	Thạc sĩ Thạc sĩ
51	Phân tích lợi ích – chi phí	Nguyễn Thị Thúy Vân Đặng Kim Oanh	Thạc sĩ Thạc sĩ
52	Thống kê đầu tư XDCB	Nguyễn Thị Nhung Trần Văn Dũng	Tiến sĩ Thạc sĩ
53	Phân tích chính sách phát triển	Nguyễn Thu Hà Nguyễn Thị Tâm	Thạc sĩ Thạc sĩ
54	Nghiên cứu và dự báo kinh tế	Phạm Thị Hồng Trần Văn Nguyên	Thạc sĩ Thạc sĩ
55	Dự báo phát triển KTXH	Nguyễn Thị Thu Hà Mai Huyền Trang	Tiến sĩ Thạc sĩ
56	Kế hoạch hóa phát triển KT-XH	Đỗ Quang Quý Nguyễn Thị Hà	PGS.TS Thạc sĩ
57	Quản lý rủi ro trong đầu tư	Nguyễn Thị Thùy Dung Đinh Thị Vững	Thạc sĩ Thạc sĩ
58	Đầu tư công	Đinh Trọng Ân Vũ Việt Linh	Thạc sĩ Thạc sĩ
59	Đầu tư tài chính	Vũ Việt Linh Đặng Kim Oanh	Thạc sĩ Thạc sĩ

Phụ lục D: Đề cương chi tiết học phần